isee

Báo cáo nghiên cứu:

QUAN ĐIỂM XÃ HỘI VỀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI

Nghiên cứu định tính tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh

Nhóm nghiên cứu:
Đỗ Quỳnh Anh
Chu Lan Anh, Đặng Thùy Dương
Vương Khả Phong, Nguyễn Bảo Ngọc



Hà Nội, 12/2019

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU:
QUAN ĐIỂM XÃ HỘI VỀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI

Nghiên cứu định tính tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

Nhóm nghiên cứu:
Đỗ Quỳnh Anh
Chu Lan Anh, Đặng Thùy Dương
Vương Khả Phong, Nguyễn Bảo Ngọc

Bản quyền: **Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE)**
Địa chỉ: Phòng 203, tòa nhà Lakeview D10, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: +8424 6273 7933 - Fax: +8424 6273 7936
Email: research@isee.org.vn
Website: www.isee.org.vn/vi

Quy định sao chép: Có thể sao chép, trích dẫn cuốn sách này nhằm phục vụ hoạt động giáo dục hoặc vì các mục đích phi thương mại khác mà không cần xin phép đơn vị giữ bản quyền. Tuy nhiên cần ghi rõ nguồn tài liệu khi sao chép hay trích dẫn.

Lời cảm ơn

Báo cáo này được ra đời trước hết nhờ sự sẵn lòng tham gia nghiên cứu của tất cả những người đã chia sẻ cởi mở cùng chúng tôi những suy nghĩ, tâm tư của họ. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn đến lòng nhiệt tình cùng thời gian mà họ đã dành cho chúng tôi.

Nhóm nghiên cứu cũng gửi lời cảm ơn đến các tình nguyện viên đã tham gia tích cực vào quá trình tìm kiếm người cung cấp thông tin cho nghiên cứu. Họ đã đóng vai trò cầu nối quan trọng giữa chúng tôi và những người trả lời phỏng vấn.

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các đồng nghiệp tại Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) đã hết lòng giúp đỡ giới thiệu những người tham gia phỏng vấn thử trong giai đoạn đầu của nghiên cứu. Xin cảm ơn bạn Hoàng Thùy Linh đã đóng vai trò điều phối viên trong quá trình tìm đối tượng tham gia nghiên cứu tiềm năng và sắp xếp lịch phỏng vấn tại Hà Nội.

Cuối cùng, nhóm xin gửi lời cảm ơn đặc biệt đến Cameron Tolle và Thalia Zepatos từ tổ chức Freedom to Marry Global đã luôn là những người đồng hành tận tâm, họ đã đóng góp những ý kiến quý báu xuyên suốt quá trình thiết kế nghiên cứu, xây dựng công cụ và kế hoạch cũng như phân tích dữ liệu. Nhóm cũng xin gửi lời tri ân đến những hỗ trợ tài chính từ Equality Without Borders.

Nhóm nghiên cứu
Hà Nội, tháng 12/2019

DANH MỤC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ

Biểu đồ

Biểu đồ 1. Giới và độ tuổi của người tham gia cung cấp thông tin 10

Biểu đồ 2. Tình trạng hôn nhân của người tham gia cung cấp thông tin 10

Biểu đồ 3. Trình độ học vấn cao nhất của người tham gia cung cấp thông tin 11

Biểu đồ 4. Thái độ với hôn nhân đồng giới của những người trả lời phỏng vấn theo giới 12

Biểu đồ 5. Thái độ với hôn nhân đồng giới theo nhóm độ tuổi 12

Bảng

Bảng 1. Đặc điểm về tuổi, trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân của những người được giới thiệu 9

Bảng 2. Lý giải về việc kết hôn và lập gia đình như một quy luật tất yếu 18

Hình

Hình 1. Các giai đoạn thực hiện chọn mẫu cho nghiên cứu 6

Hình 2. Hình minh họa phương pháp chọn mẫu của nghiên cứu 7

Hình 3. Các thành tố chủ chốt của hôn nhân theo quan điểm của người trả lời phỏng vấn theo tần suất 16

Hình 4. Mối quan hệ giữa quan niệm về hôn nhân và những lo ngại về việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới 17

Hình 5. Những yếu tố ảnh hưởng đến hình mẫu hôn nhân và gia đình lý tưởng 21

Hộp

Hộp 1. Những lý do ủng hộ hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới 13

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ **1**

Bảng 1

Hình 1

Hộp 1

MỤC LỤC 2

1. Giới thiệu 3

2. Điểm luận tài liệu 3

3. Câu hỏi và phương pháp nghiên cứu 4

3.1. Câu hỏi nghiên cứu 4

3.2. Phương pháp chọn mẫu 5

3.3. Phương pháp thu thập và xử lý thông tin 6

3.4. Đạo đức nghiên cứu 7

3.5. Hạn chế của nghiên cứu 7

4. Các đặc điểm nhân khẩu học 8

4.1. Đặc điểm nhân khẩu học của những người được giới thiệu 8

4.2. Đặc điểm nhân khẩu học của những người tham gia cung cấp thông tin 8

5. Quan điểm và thái độ về hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới 10

5.1. Xác định thái độ và quan điểm về hôn nhân đồng giới 10

5.2. Lý do ủng hộ hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới 11

5.3. Lý do phản đối hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới 12

6. Những yếu tố tác động đến quan điểm và thái độ của người tham gia nghiên cứu 14

6.1. Quan niệm duy trì nòi giống như là mục đích chính của hôn nhân 14

6.2. Những giá trị và nền tảng văn hóa gia đình 18

6.3. Quy chuẩn hóa dị tính luyến ái trong hình mẫu gia đình 20

6.4. Nhận thức về mối quan hệ giữa công dân và pháp luật 21

6.5. Vai trò và tác động của giáo dục và truyền thông 24

7. Kết luận và khuyến nghị 25

7.1. Kết luận 25

7.2. Những gợi ý xây dựng chiến lược 25

PHỤ LỤC 27

1. Giới thiệu

Năm 2013, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) đã phối hợp cùng Viện Xã hội học và Viện Chiến lược và Chính sách y tế để thực hiện một khảo sát xã hội quy mô toàn quốc nhằm tìm hiểu quan điểm và thái độ của xã hội Việt Nam về hôn nhân cùng giới với 5303 người được phỏng vấn. Báo cáo cho thấy 33.7% người tham gia khảo sát ủng hộ hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới và 41.2% công nhận quyền chung sống như vợ chồng của những người chung giới tính. Ở thời điểm đó, những kết quả của nghiên cứu trên đã góp phần cung cấp thông tin nền tảng trong quá trình vận động sửa đổi bộ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khi Quốc hội Việt Nam thông qua việc bỏ điều khoản "cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính" (Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000) và thay thế bằng quy định "không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính" (Điều 8, Khoản 2 về điều kiện kết hôn, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014).

Sau 5 năm kể từ thay đổi nói trên, phong trào vận động quyền của người LGBTIQ+ tại Việt Nam đã tiếp tục trưởng thành và có nhiều tác động đến nhận thức xã hội về sự hiện diện cũng như về quyền của các nhóm thiểu số tính dục và giới. Trước nhu cầu xây dựng chiến lược tiếp tục vận động Quốc hội và Nhà nước Việt Nam sửa đổi luật trong giai đoạn tiếp theo, các tổ chức và những nhà hoạt động xã hội cần có sự cập nhật thực trạng xã hội liên quan đến nhận thức và thái độ của người dân về quyền kết hôn bình đẳng cho người đồng giới.

Để có được những gợi mở sát với thực tế, Viện iSEE với sự đồng hành của tổ chức Freedom to Marry Global đã tiến hành nghiên cứu với mục đích tìm hiểu các luồng quan điểm đại chúng xung quanh vấn đề hợp pháp hôn nhân đồng giới từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2019. Vì vậy, nghiên cứu định tính trên một số lượng mẫu nhỏ này không nhằm đối chiếu với *Khảo sát Trưng cầu ý kiến người dân về hôn nhân cùng giới* (iSEE, 2013) mà chủ yếu phục vụ công tác xây dựng chiến lược nâng cao nhận thức của xã hội một cách hiệu quả.

2. Điểm luận tài liệu

- **Quan niệm về vai trò và chức năng của gia đình trong xã hội Việt Nam**

Nghiên cứu về xã hội Việt Nam của Bélanger và Barbieri (2009) từ thời thuộc địa cho đến thời điểm của nghiên cứu đều nhấn mạnh thiết chế gia đình và mạng lưới họ hàng đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của mỗi cá nhân và là nền tảng cho toàn bộ xã hội. Cadière (1930) cho rằng thiết chế nền tảng của xã hội Việt Nam không phải là chính trị hay kinh tế, mà là gia đình. Theo Nho giáo, con trai được cho là có giá trị hơn con gái vì có thể nối dõi dòng giống và kế thừa cơ ngơi của cha mẹ. Nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra thực hành của các gia đình Việt Nam tiền xã hội chủ nghĩa (presocialist) trên thực tế có khoảng cách với hình mẫu gia đình Nho giáo truyền thống (Bui, 2003). Một số học giả quan sát thời kỳ thuộc địa nhận thấy có khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, cụ thể là tham chiếu đối với quyền lực của phụ nữ trong gia đình, khác xa với hình mẫu hoàn toàn phục tùng theo lý tưởng của Nho giáo (Lustéguy, 1935), hoặc con gái vẫn được nhận thừa kế dưới dạng đất nông nghiệp và các tài sản khác (Papin, 2003), nhà không có con trai thì con gái vẫn thờ cúng tổ tiên và nối dõi gia đình bằng hình thức ở rể (Bélanger 1997; Papin 2003). Sau 1954, trong diễn ngôn của Nhà nước, gia đình trở thành địa bàn biểu tượng của việc xây dựng những quan hệ xã hội lý tưởng theo Marxism, là nền móng của một quốc gia xã hội chủ nghĩa dành cho tất cả mọi người (Pettus, 2003). Tập thể hóa đất nông nghiệp và công hữu hóa sản xuất và gần như loại bỏ sở hữu tư nhân đặt ra thách thức với nền tảng của mô hình tổ chức gia đình và họ hàng (Malarney, 2002). Trong khi Đổi mới dường như tác động đến một số hành vi kết đôi và kết hôn (việc tìm hiểu ở các cặp đôi), thì những thay đổi khác (như việc kiểm soát của cha mẹ trong quá trình chọn người yêu) thực tế diễn ra trước Đổi mới và kéo dài đến sau đó.

- **Quan hệ đồng tính trong xã hội độc tôn dị tính**

Theo nghiên cứu của Phạm Quỳnh Phương (2016), ở Việt Nam các quan hệ tình dục trước và ngoài hôn nhân hay tình dục đồng tính bị coi là hành vi lệch lạc. Điều này đến từ nhiều yếu tố: bối cảnh lịch sử, văn hóa và các diễn ngôn chủ chốt trong xã hội. Theo tác giả, quan điểm "tự do kết hôn" hiện nay chủ yếu tấn công vào một khía cạnh của đạo đức Nho giáo vốn thống trị nền văn hóa truyền thống, đó là

"cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy". Thanh niên nam nữ được khẳng định có quyền tự do tìm hiểu, lựa chọn bạn đời. Tuy nhiên, trong một giai đoạn lịch sử trước đây, Nhà nước thông qua các tổ chức đoàn thể lại đóng vai trò thay cha mẹ kiểm soát, thậm chí tác thành hôn nhân. Nếu cá nhân vi phạm "điều cấm kỵ" gì đó thì tổ chức sẵn sàng can thiệp (Le, 2011). Nho giáo không coi trọng tình dục, trái lại, thường coi nó là tai họa tiềm ẩn đối với đạo đức. Vì thế tình dục bị xem là cần phải được kiểm soát chặt chẽ và chỉ được coi là hợp thức khi phục vụ mục đích tái sinh sản, còn ngoài ra, phụ nữ sẽ bị coi là "dâm đãng" nếu quan hệ tình dục ngoài mục đích ấy (Le, Nguyen, & Khuat, 2009). Quan điểm khắc kỷ đối với tình dục đã thấm rất sâu vào văn hóa truyền thống và cả vào các quan điểm chính sách của nhiều thế hệ nhà cầm quyền. Hơn nữa, dường như lịch sử đặc thù của Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua đã tạo điều kiện để tinh thần Nho giáo đó tiếp tục thống trị dai dẳng. "Sự khắc kỷ vốn là cốt lõi của Nho giáo có vẻ phù hợp với điều kiện khắc nghiệt của các cuộc chiến tranh vệ quốc kéo dài và công cuộc tái thiết đất nước cực kỳ gian khó. Sự kiềm chế đối với tình dục khiến đòi hỏi về việc hy sinh hạnh phúc cá nhân cho lợi ích của cộng đồng trở nên hợp lý" (Le, Nguyen, & Khuat, 2009). Cũng trong nghiên cứu của mình, tác giả Phạm Quỳnh Phương (2016) đã chỉ đưa ra dẫn chứng về phong trào ba khoan (khoan yêu, khoan cưới, khoan sinh đẻ) được cổ vũ, tình yêu trong sáng (không có tình dục) mới được coi là đúng đắn. Cũng chính từ cơ sở xã hội này nên trong một thời gian khá dài, quan điểm của Nhà nước về hôn nhân – ngoài yêu cầu tính cá thể - được mặc định ám chỉ quan hệ hôn nhân – tình dục dị tính với mục đích cơ bản là sinh đẻ.

Theo Nguyễn và cộng sự (2012), về vai trò và chức năng xã hội, việc kết đôi đồng tính được nhìn nhận là một nguy cơ đe dọa hôn nhân dị tính "truyền thống", với niềm tin rằng người dị tính có thể muốn biến thành đồng tính để tránh mâu thuẫn trong hôn nhân dị tính. Cặp đôi đồng tính cũng bị cho là không làm tròn các chức năng cơ bản của gia đình như sinh con và nuôi dạy con. Niềm tin rằng trẻ con cần cả bố và mẹ để phát triển toàn diện cho thấy đồng tính bị chối bỏ ở Việt nam do văn hóa chú trọng vai trò giới, thuyết nhị nguyên về âm – dương, và nối dõi dòng giống. Quan điểm nối dõi tông đường cố hữu trong việc dạy về các giá trị của gia đình tại Việt Nam nhấn mạnh vai trò của việc sinh đẻ và nuôi dạy con (Horton, 2014; Pham, 2013).

Các gia đình không có con dị tính chịu sự xấu hổ và chế nhạo của cộng đồng vì không biết nuôi dạy con đúng cách, và những đứa trẻ này có thể sẽ buộc phải kết hôn để giữ thể diện cho gia đình (Schuler và cộng sự, 2006). Một nghiên cứu của iSEE chỉ ra rằng người đồng tính nam ở Việt Nam có xu hướng chịu áp lực về hôn nhân dị tính nhiều hơn đồng tính nữ bởi kỳ vọng của gia đình (Nguyen, Vu, & Pham, 2013). Điều này có thể được giải thích vì tầm quan trọng của việc nối dõi dòng giống (phụ hệ) và đàn ông được coi là người mang họ và dòng máu của gia đình.

3. Câu hỏi và phương pháp nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Ở phần giới thiệu, chúng tôi đã đề cập về mục đích thực hiện của nghiên cứu này là nhằm tìm hiểu những quan điểm về hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới trên thực tế và đưa ra những gợi ý để thực hiện các chiến dịch vận động xã hội. Theo lý thuyết về vận động nguồn lực (Edwards & McCarthy, 2014) thì các phong trào xã hội luôn có có một nhóm nòng cốt hành động để thúc đẩy sự tham gia của các nhóm khác trong xã hội và gây chú ý với truyền thông, công chúng. Bàn về cách thức tạo ra những thay đổi xã hội, Bicchieri (2016) cho rằng cần có sự xuất hiện của những người tạo hiệu ứng (trendsetter) để làm hình mẫu cho những người xung quanh. Tuy nhiên hiệu quả của hiệu ứng phụ thuộc vào ngưỡng thay đổi (thresholds) của từng người, và chỉ khi cộng đồng đạt tới điểm bùng phát (tipping point) thì những hành vi bị ảnh hưởng bởi các chuẩn mực xã hội (social norms) mới thay đổi.

Để có thể từng bước tạo được hiệu quả vận động xã hội, nhóm nghiên cứu hướng đến những đối tượng mục tiêu có ngưỡng thay đổi thấp hơn. Cụ thể trong trường hợp này, chúng tôi muốn tập trung vào những người có quan điểm trung lập về quyền kết hôn bình đẳng hơn là những người phản đối. Câu hỏi của nghiên cứu là:

- Cách thức mà những người có quan điểm trung lập với hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới

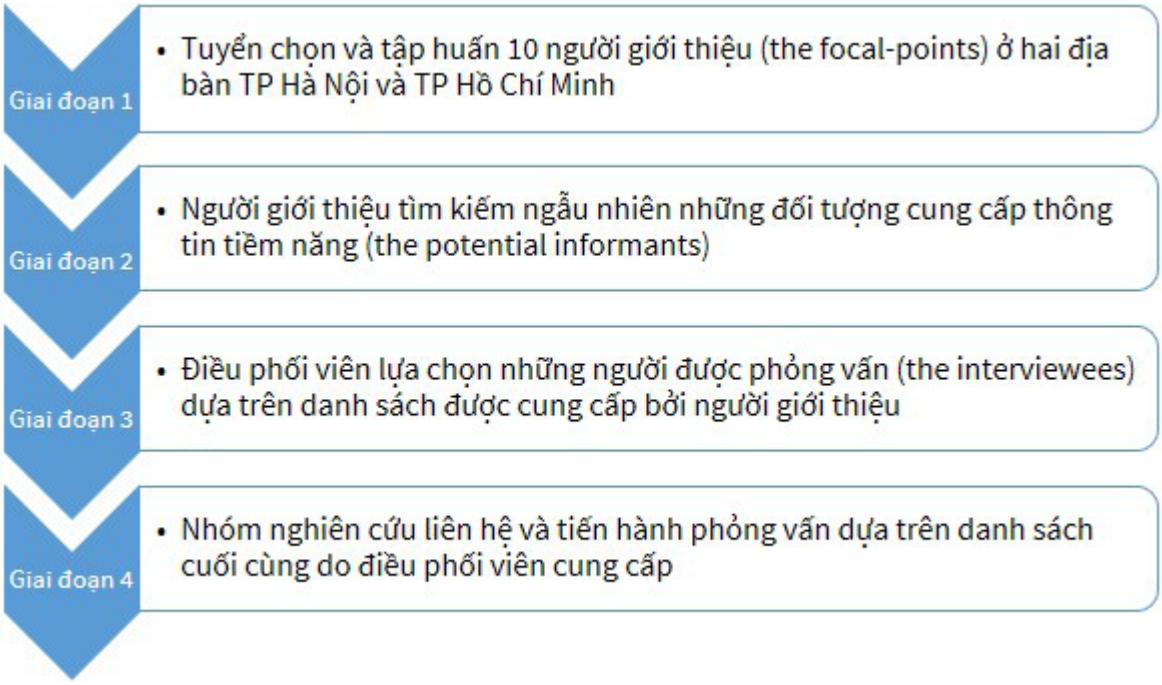
định vị quan điểm của mình? Tại sao họ tự nhận mình ở nhóm trung lập?

- Những yếu tố nào khiến họ ủng hộ và những yếu tố nào khiến họ phản đối hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới? Những yếu tố đó đến từ những nền tảng và trải nghiệm về văn hóa, xã hội và chính trị nào?

3.2. Phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu này được thiết kế nhằm phản ánh những ý kiến, quan điểm đa chiều trong xã hội liên quan đến việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Để có thể thu thập quan điểm từ những người cung cấp thông tin đa dạng về giới, tuổi tác và nghề nghiệp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành lựa chọn phương pháp 'bóng tuyết lăn' (snow-ball sampling method) kết hợp với phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên (non-probability sampling method). Cách thức chọn mẫu phỏng vấn được tiến hành cụ thể theo 3 giai đoạn như sau:

Hình 1. Các giai đoạn thực hiện chọn mẫu cho nghiên cứu



- **Giai đoạn 1: Tuyển chọn và tập huấn cho người giới thiệu**

Nhóm nghiên cứu tiến hành đăng thông tin tuyển tình nguyện viên làm người giới thiệu cho nghiên cứu trên các website và fanpage tuyển dụng và chia sẻ cơ hội việc làm cho thanh niên từ 14-21/8/2019. Từ 32 hồ sơ đăng ký, điều phối viên của nhóm nghiên cứu đã chọn ngẫu nhiên 5 tình nguyện viên tại TP Hà Nội và 5 tình nguyện viên tại TP Hồ Chí Minh là các sinh viên đang sống và học tập tại các trường đại học khác nhau tại địa bàn. Các tình nguyện viên này (sau đây gọi là người giới thiệu) đã được tham gia tập huấn giới thiệu về nghiên cứu và cách thức tìm người cung cấp thông tin tiềm năng.

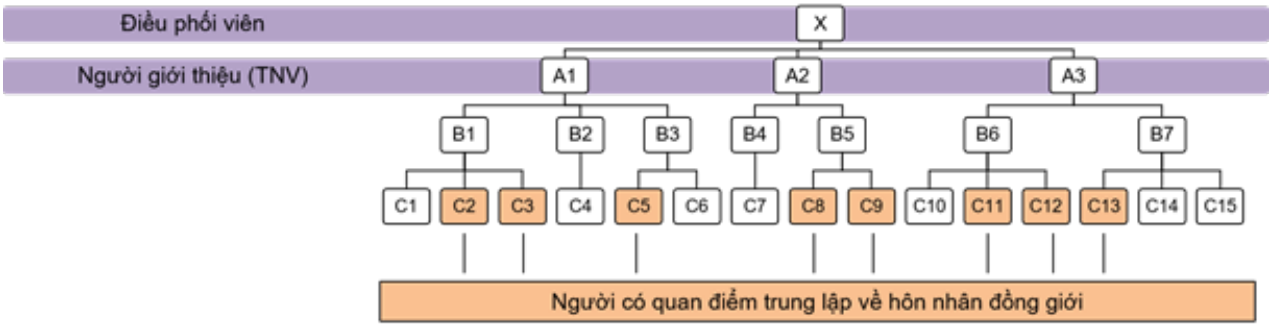
Sau khi được tập huấn, người giới thiệu sẽ tiến hành tìm kiếm đối tượng cung cấp thông tin tiềm năng dưới sự hướng dẫn của điều phối viên của nhóm nghiên cứu. Điều phối viên tạo một biểu mẫu danh sách với các cột trống để người giới thiệu có thể điền thông tin cá nhân (tên, tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân) của những người cung cấp thông tin tiềm năng mà họ tìm được. Mỗi một người giới thiệu sẽ sử dụng một biểu mẫu riêng để đảm bảo bí mật về thông tin của những người có trong danh sách này. Đi kèm với biểu mẫu này là bảng hướng dẫn chi tiết về các bước tìm người cung cấp thông tin và các lưu ý đi kèm.

- **Giai đoạn 2: Người giới thiệu tìm kiếm người cung cấp thông tin tiềm năng**

  Người giới thiệu (A) sẽ trao đổi với những người mà họ quen biết (B1, B2, B3, v.v…) về nghiên cứu và đề nghị họ giới thiệu một người bạn phù hợp về các đặc điểm nhân khẩu học (C1, C2,

C3, C4, v.v…) mà người giới thiệu (A) đang tìm kiếm. Việc tìm người cung cấp thông tin này dựa trên nền tảng phương pháp 'bóng tuyết lăn' và được bỏ qua một lớp trong mạng lưới quan hệ cá nhân nhằm thúc đẩy sự đa dạng về quan điểm của những người tham gia nghiên cứu.

Hình 2. Hình minh họa phương pháp chọn mẫu của nghiên cứu



Người giới thiệu liên hệ với những người cung cấp thông tin tiềm năng để giới thiệu rằng họ đang cộng tác cho một nghiên cứu tìm hiểu quan điểm xã hội về các vấn đề liên quan tới chủ đề hôn nhân và gia đình và mời người đó tham gia phỏng vấn. Nếu người này đồng ý tham gia nghiên cứu, người giới thiệu sẽ hỏi 3 câu hỏi thăm dò quan điểm theo thứ tự sau:

- Câu hỏi 1: Quan điểm của anh/chị về hiện tượng bà mẹ đơn thân là ủng hộ, trung lập hay phản đối?
- Câu hỏi 2: Quan điểm của anh/chị về hôn nhân đồng tính luyến ái là ủng hộ, trung lập hay phản đối?
- Câu hỏi 3: Quan điểm của anh/chị về hiện tượng hai người chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn là ủng hộ, trung lập hay phản đối?

Mục đích của các câu hỏi thăm dò này là để nhằm xác định được được nhóm đối tượng có quan điểm trung lập về hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới nhưng không tạo tâm lý bị định hướng chủ đề của những đối tượng tiềm năng tham gia nghiên cứu. Người giới thiệu sau đó sẽ điền toàn bộ thông tin của người cung cấp thông tin tiềm năng và câu trả lời của họ với ba câu hỏi ở trên vào biểu mẫu đã được người điều phối chia sẻ. Trong quá trình thực hiện bước 3 này, điều phối viên sẽ liên tục theo dõi và cập nhật danh sách từ những người giới thiệu để có những hướng dẫn nhằm cân đối về số lượng và các đặc điểm nhân khẩu học mà người giới thiệu sẽ cần tìm thêm.

- **Giai đoạn 3: Điều phối viên lựa chọn những người được phỏng vấn**

  Từ các danh sách mà những người giới thiệu đã cung cấp, điều phối viên sẽ lọc ra những người có quan điểm trung lập ở câu hỏi số 2 và đưa vào một danh sách chung. Từ danh sách này, điều phối viên sẽ liên hệ trực tiếp với từng người để khảo sát thời gian và địa điểm phù hợp mà họ có thể tham gia phỏng vấn. Những người có thời gian và địa điểm gần nhau sẽ được xếp chung vào một cuộc thảo luận nhóm. Những người còn lại sẽ được chọn phỏng vấn cá nhân một cách ngẫu nhiên với tiêu chí cân bằng giới và độ tuổi giữa những người được chọn.

- **Giai đoạn 4: Nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập thông tin**

  Nhóm nghiên cứu thực hiện thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu theo danh sách và lịch trình cuối cùng mà điều phối viên cung cấp.

3.3. Phương pháp thu thập và xử lý thông tin

Nghiên cứu được thực hiện tại hai địa bàn là thành phố Hồ Chí Minh (từ ngày 12-15/9/2019) và thành phố Hà Nội (từ ngày 10-30/10/2019). Tại mỗi địa bàn có hai buổi thảo luận nhóm được thực hiện, tại thành phố Hồ Chí Minh có 11 cuộc phỏng vấn cá nhân trong khi thành phố Hà Nội có 8 cuộc. Những

cuộc trao đổi thông tin này được dẫn dắt dựa trên bản hướng dẫn phỏng vấn bán cấu trúc (semi- structured interview guidelines) để đảm bảo thu thập đầy đủ những thông tin cần thiết và khám phá thêm những khía cạnh mới. Số lượng phỏng vấn cá nhân tại Hà Nội ít hơn vì nhóm nghiên cứu nhận thấy thông tin thu được đã bão hòa (data saturation) và quyết định dừng việc phỏng vấn. Tất cả các buổi phỏng vấn này đều được ghi âm, đối với thảo luận nhóm ngoài băng ghi âm có thêm bản ghi chép của thành viên nhóm nghiên cứu. Những băng ghi âm này sau đó được chuyển đến một nhóm gỡ băng chuyên nghiệp để được chuyển thành các bản ghi/gỡ băng.

Từ những bản ghi này, nghiên cứu viên sẽ tiến hành mã hóa văn bản theo bảng mã (codebook) dựa trên bảng hướng dẫn phỏng vấn. Những từ, cụm từ có tần suất xuất hiện cao sẽ được đối chiếu giữa cách lý giải của những cá nhân khác nhau nhằm đưa ra những phân tích tổng hợp. Quan hệ giữa những tổ hợp từ và cụm từ cũng được biểu đồ hóa để hiểu được mối quan hệ giữa những vấn đề mà những người cung cấp thông tin đề cập tới.

3.4. **Đạo đức nghiên cứu**

Nhóm nghiên cứu cam kết tuân thủ các vấn đề liên quan đến đạo đức theo Hướng dẫn thực hiện nghiên cứu của iSEE, bao gồm:

- Việc tham gia nghiên cứu của tất cả các cá nhân đã cung cấp thông tin là hoàn toàn tự nguyện. Những người tham gia được thông báo đầy đủ về các quyền lợi của họ trong việc được bảo vệ danh tính và những thông tin cá nhân liên quan.
- Bộ lưu trữ dữ liệu của nghiên cứu bao gồm danh sách người tham gia, các băng ghi âm và các bản ghi, v.v… chỉ có thể được tiếp cận bởi những thành viên của nhóm nghiên cứu. Sau khi quá trình xử lý dữ liệu và viết báo cáo hoàn tất, bộ lưu trữ này sẽ được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của tổ chức và được thiết lập truy cập hạn chế.
- Nhóm gỡ băng là nhóm xử lý chuyên nghiệp trong danh sách tư vấn thường xuyên của iSEE. Hợp đồng được ký giữa nhóm và iSEE viện dẫn đến các yêu cầu về sở hữu trí tuệ và cam kết bảo mật thông tin trước sự tiếp cận của bên thứ ba trong mọi trường hợp.

3.5. **Hạn chế của nghiên cứu**

Nghiên cứu được tiến hành nhằm tìm hiểu quan điểm của những người có quan điểm trung lập về hôn nhân đồng giới và hướng tới mục tiêu thu thập được ý kiến từ các nhóm đặc điểm nhân khẩu học đa dạng nhất có thể. Tuy nhiên những người giới thiệu đều ở lứa tuổi thanh niên nên số lượng những người cung cấp thông tin lớn tuổi (từ 55 tuổi trở lên) là khá hạn chế, chỉ có 7 người nữ thuộc nhóm tuổi này tự nhận có quan điểm trung lập với hôn nhân đồng giới. Điều này dẫn đến sự thiếu vắng quan điểm của những người nam giới cao tuổi trong báo cáo nghiên cứu. Mặt khác, chính bởi sự đa dạng về người tham gia mà việc sắp xếp lịch thảo luận nhóm gặp rất nhiều khó khăn vì sự khác biệt về thời gian sinh hoạt của những người này. Do đó quy mô của các thảo luận nhóm tương đối khiêm tốn, trong khi mục tiêu ban đầu hướng đến quy mô 6-7 người/ 1 thảo luận nhóm thì trên thực tế chỉ đạt 3-5 người/1 cuộc thảo luận. Mặc dù vậy, điều này không ảnh hưởng nhiều đến kết quả nghiên cứu từ việc các cuộc phỏng vấn cá nhân đã bổ sung và làm giàu thêm thông tin cho bộ dữ liệu của nghiên cứu.

Hạn chế thứ hai đến từ thiết kế của nghiên cứu, vì nguồn lực chỉ cho phép thực hiện phỏng vấn tập trung tại khu vực đô thị nên báo cáo này không phản ánh quan điểm của những người đang sinh sống tại khu vực nông thôn. Một số người tham gia cung cấp thông tin là những người di cư từ những khu vực nông thôn đến thành phố để học tập và làm việc, tuy nhiên số lượng này không nhiều và chủ yếu thuộc nhóm độ tuổi thanh niên và trung niên, không có đối tượng thuộc nhóm cao tuổi (từ 55 tuổi trở lên).

Một hạn chế khác là về sự đa dạng về nghề nghiệp của những người tham gia cung cấp thông tin. Những người tham gia cung cấp thông tin này chủ yếu là sinh viên và những người làm các công việc văn phòng hoặc công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn cao. Việc sử dụng tình nguyện viên là sinh viên phần nào cũng giới hạn việc tìm kiếm những người làm các công việc giản đơn với mức thu nhập thấp hơn như công nhân hay những người phục vụ trong khu vực dịch vụ. Vì thế trong phần phân tích của

báo cáo này, nhóm nghiên cứu không xét đến đặc điểm nghề nghiệp vì yếu tố này không có ý nghĩa trong quá trình xử lý dữ liệu.

Hạn chế cuối cùng đến từ tính ngẫu nhiên của phương pháp 'bóng tuyết lăn'. Mặc dù điều phối viên luôn liên tục cập nhật và hướng dẫn cho các tình nguyện viên cân bằng số lượng liên quan tới tiêu chí giới tính trong suốt quá trình tìm kiếm người cung cấp thông tin tiềm năng, nhưng điều này không đảm bảo được việc những người nam giới và nữ giới được giới thiệu sẽ có quan điểm trung lập, ủng hộ hay phản đối hôn nhân đồng giới. Để đảm bảo tính đồng nhất về phương pháp, điều phối viên không can thiệp hoặc tiết lộ với tình nguyện viên về đối tượng mục tiêu (là những người có quan điểm trung lập) nhằm đảm bảo tính trung thực trong quá trình này. Vì thế tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, số lượng nam giới phù hợp với tiêu chí tìm kiếm khá thấp (5 nam, so với 15 nữ) trong khi tại Hà Nội số lượng nam giới phù hợp cao hơn hẳn (8 người, so với 8 nữ). Sự chênh lệch ngẫu nhiên về giới tính này tại hai địa bàn dẫn đến việc kết quả phân tích sẽ không thể chỉ ra được những đặc thù mang tính địa phương mà chỉ có thể đưa ra được các phân tích tổng hợp về các yếu tố liên quan đến giới tính và độ tuổi.

4. Các đặc điểm nhân khẩu học

4.1. Đặc điểm nhân khẩu học của những người được giới thiệu

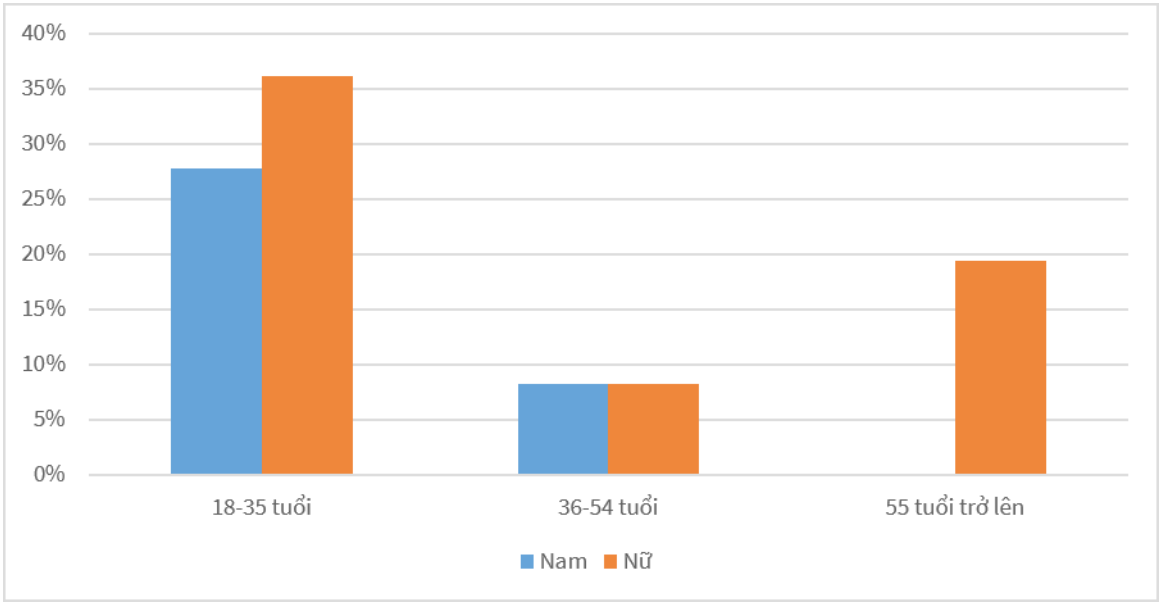
Số liệu ở mục này thống kê số liệu theo các đặc điểm nhân khẩu học của tất cả những người được các tình nguyện viên giới thiệu, bao gồm cả những người có quan điểm trung lập, quan điểm ủng hộ và quan điểm phản đối hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Từ bảng danh sách này, điều phối viên của nhóm nghiên cứu tiến hành lọc ra những người tự nhận rằng họ có quan điểm trung lập về việc ủng hộ quyền kết hôn bình đẳng của các cặp đồng giới để mời tham gia trả lời phỏng vấn. Trong tổng số 105 người được giới thiệu, có thể thấy sự chênh lệch về giới với 60 người nữ (57%) và 45 người nam (43%). Nhóm từ 18 đến 35 tuổi chiếm đa số trong những người được giới thiệu với tỉ lệ nam và nữ chênh lệch không nhiều. Ngược lại, trong nhóm từ 55 tuổi trở lên, tỉ lệ nữ giới cao gần gấp đôi tỉ lệ nam giới. Về trình độ học vấn, nhóm chiếm tỉ lệ cao nhất là nhóm có trình độ đại học hoặc trên đại học (60%), theo sau là nhóm tốt nghiệp trung học phổ thông (30.5%). Tỉ lệ người độc thân trong mẫu được giới thiệu chiếm đa số, trong đó có nhiều nam giới độc thân hơn nữ giới độc thân.

Bảng 1. Đặc điểm về tuổi, trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân của những người được giới thiệu

	Nữ	Nam	Chung
Nhóm tuổi	60	45	105
Từ 18 đến 35 tuổi	63.3%	68.9%	65.7%
Từ 36 đến 54	20.0%	22.2%	21.0%
55 trở lên	16.7%	8.9%	13.3%
Trình độ học vấn	60	45	105
Tiểu học và Trung học cơ sở	10.0%	0.0%	5.7%
Trung học phổ thông	33.3%	26.7%	30.5%
Trung cấp và cao đẳng	1.7%	6.7%	3.8%
Đại học và trên đại học	55.0%	66.7%	60.0%
Tình trạng hôn nhân	60	45	105
Độc thân	53.3%	66.7%	59.1%
Đã kết hôn và đã có con	40.0%	31.1%	36.2%
Đã kết hôn và chưa có con	6.7%	2.2%	4.7%

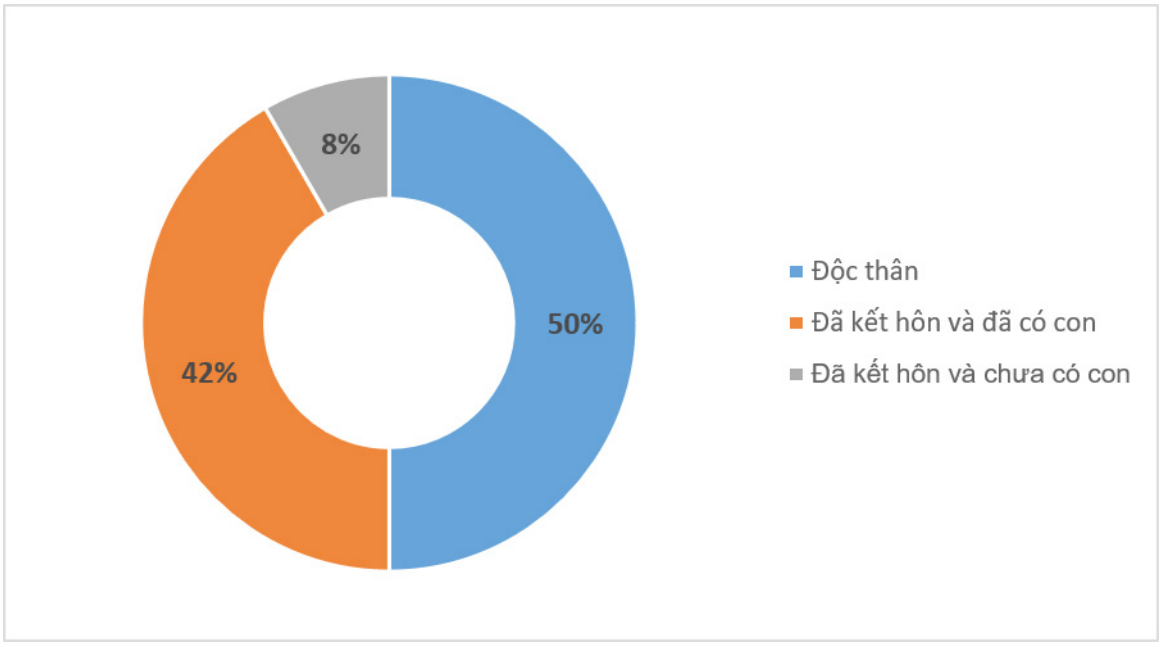
4.2. Đặc điểm nhân khẩu học của những người tham gia cung cấp thông tin

Biểu đồ 1. Giới và độ tuổi của người tham gia cung cấp thông tin

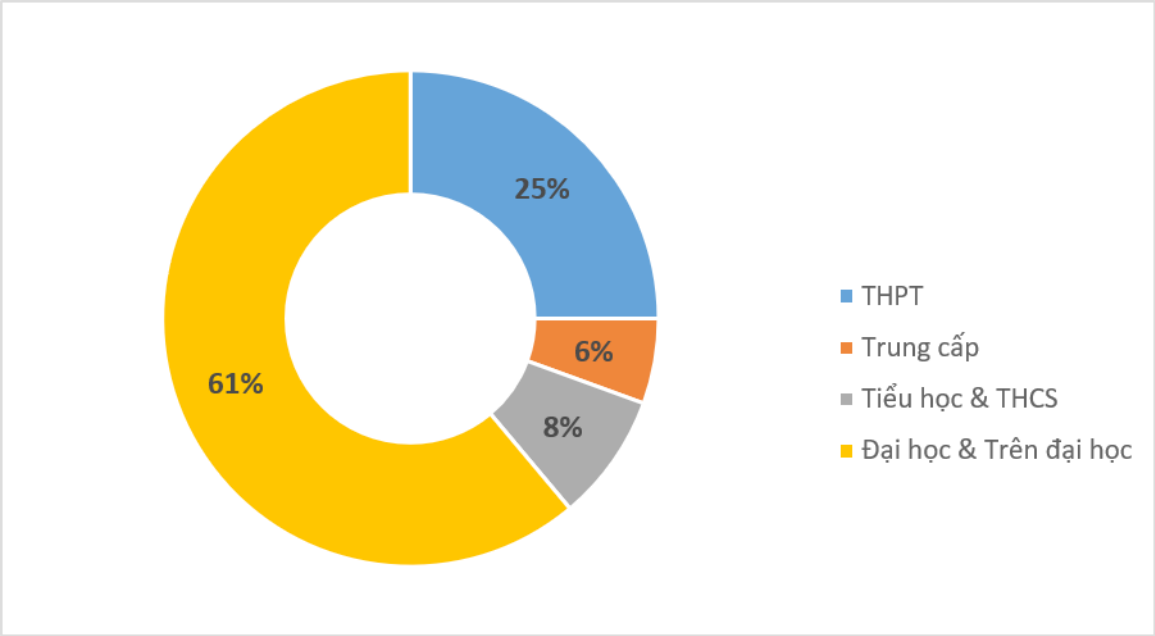


Số người tham gia cung cấp thông tin là 36 người, trong đó 13 người là nam (tương đương 36%) và 23 người là nữ (tương đương 64%). Phần lớn người được phỏng vấn ở độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi, chiếm 66% tổng số người được phỏng vấn. Có 6 người (3 nam, 3 nữ) trong độ tuổi từ 36 đến 54 tham gia cung cấp thông tin. Nhóm người 55 tuổi trở lên chiếm 19% và đều là nữ giới. Tỉ lệ người chưa kết hôn và đã kết hôn trong mẫu phỏng vấn cùng là 50%, trong đó số người lập gia đình và có con là 42%, 8% đã kết hôn còn lại chưa có con.

Biểu đồ 2. Tình trạng hôn nhân của người tham gia cung cấp thông tin



Biểu đồ 3. Trình độ học vấn cao nhất của người tham gia cung cấp thông tin



Về trình độ học vấn, số người đã hoàn thành bậc đại học hoặc cao hơn chiếm đa số với 61%. Những người có trình độ trung học phổ thông hoặc trung cấp chiếm 31% và số còn lại là những người đã hoành thành bậc tiểu học hoặc trung học cơ sở.

5. Quan điểm và thái độ về hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới

5.1. Xác định thái độ và quan điểm về hôn nhân đồng giới

Mục tiêu của nghiên cứu là nhắm đến nhóm có quan điểm trung lập về hôn nhân đồng giới trong xã hội. Việc xác định đối tượng đích dựa trên sự tự nhận định của các cá nhân khi họ được mời tham gia phỏng vấn, vì vậy định nghĩa về 'sự trung lập' giữa những người trả lời phỏng vấn không đồng nhất. Thái độ đối với hôn nhân đồng giới của những người tham gia nghiên cứu này có thể dao động từ mức 2 đến mức 4 trong thang 5 điểm dưới đây:

1 – **Hoàn toàn phản đối:** Luôn có thái độ không thiện cảm với người LGBT và phản đối hôn nhân đồng giới;

2 – **Phần nào phản đối:** Thỉnh thoảng có thái độ không thiện cảm với người LGBT và có nhiều băn khoăn, quan ngại về hôn nhân đồng giới;

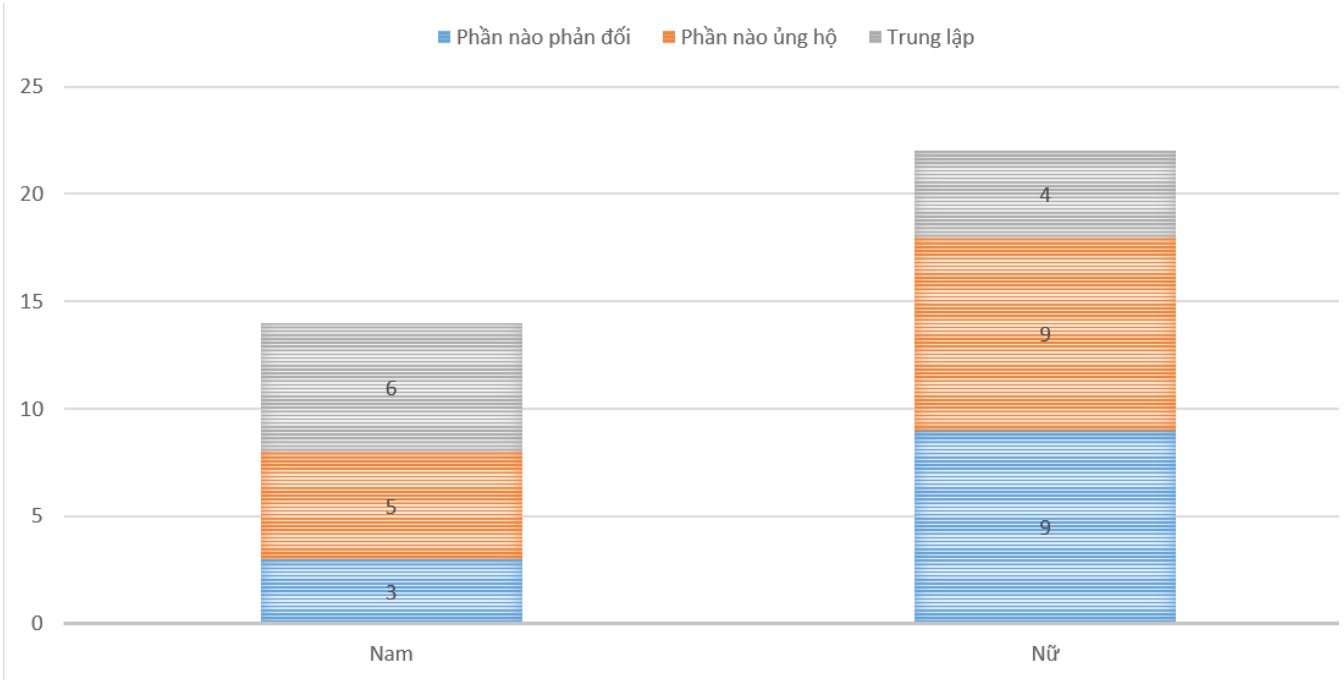
3 – **Trung lập** (không ủng hộ nhưng cũng không phản đối): Thái độ bình thường với người LGBT và không cảm thấy hôn nhân đồng giới ảnh hưởng tới bản thân mình;

4 – **Phần nào ủng hộ**: Thái độ thông cảm với người LGBT và thấy hôn nhân đồng giới là quyền chính đáng, tuy nhiên cho rằng không nên hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới trong bối cảnh xã hội hiện tại;

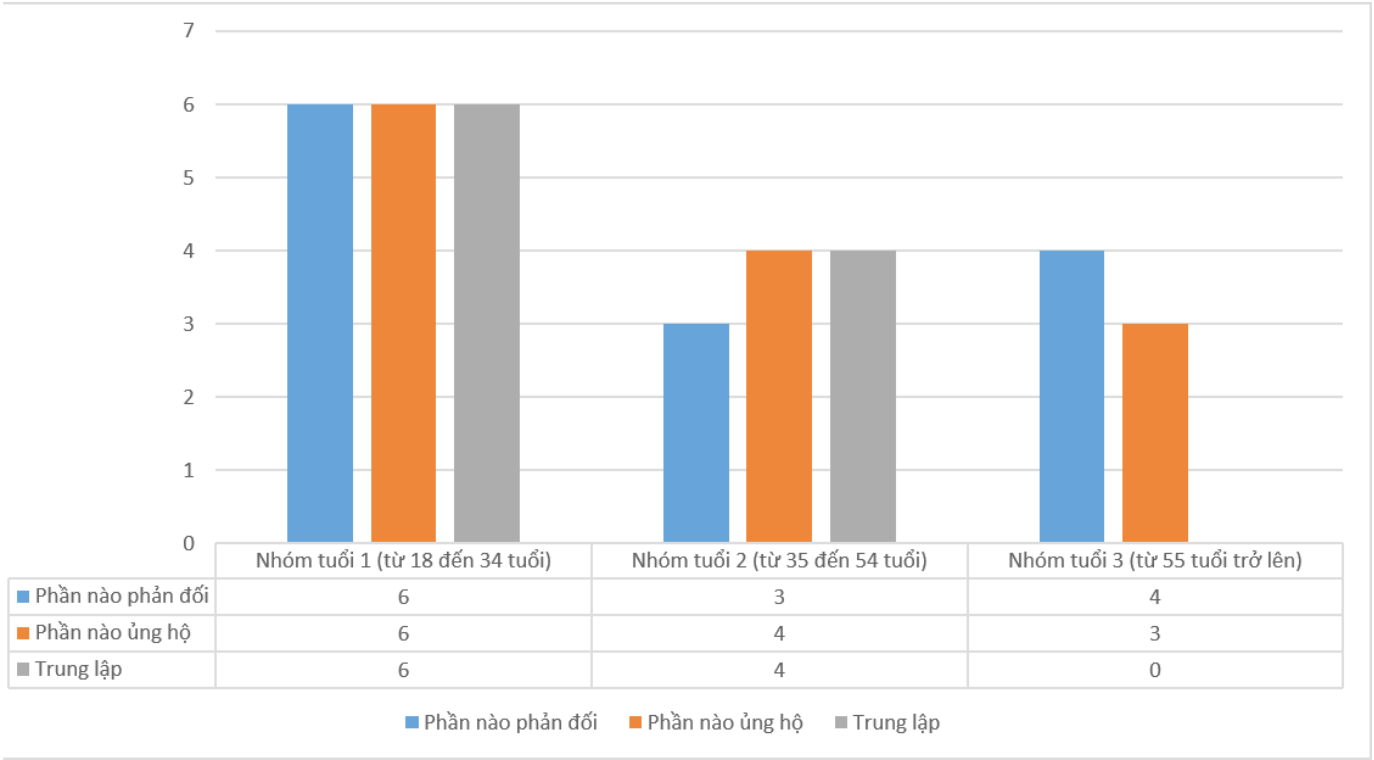
5 – **Hoàn toàn ủng hộ**: Thái độ thấu hiểu, chia sẻ với các vấn đề của người LGBT và cho rằng cần hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sớm để đảm bảo quyền của các cặp đôi đồng giới.

Việc những người nghiêng phần nào về hướng phản đối hay ủng hộ nhưng vẫn tự nhận bản thân ở nhóm trung lập cũng được phỏng vấn viên tập trung khai thác sâu để làm bộc lộ những yếu tố ảnh hưởng tới quan điểm của họ.

Biểu đồ 4. Thái độ với hôn nhân đồng giới của những người trả lời phỏng vấn theo giới



Biểu đồ 5. Thái độ với hôn nhân đồng giới theo nhóm độ tuổi



	Nhóm tuổi 1 (từ 18 đến 34 tuổi)	Nhóm tuổi 2 (từ 35 đến 54 tuổi)	Nhóm tuổi 3 (từ 55 tuổi trở lên)
Phần nào phản đối	6	3	4
Phần nào ủng hộ	6	4	3
Trung lập	6	4	0

5.2. Lý do ủng hộ hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới

Những người có quan điểm nghiêng về phía ủng hộ quyền được Nhà nước công nhận hôn nhân của những cặp đôi đồng giới có điểm chung là những người được tiếp cận thông tin đúng đắn về người đồng tính luyến ái nói riêng và cộng đồng LGBT nói chung. Nhờ vậy mà họ không có thái độ kỳ thị và thể hiện thái độ thông cảm với những khó khăn mà các cặp đôi đồng giới gặp phải trong cuộc sống. Không có mối quan hệ tương quan giữa giới, độ tuổi, trình độ học vấn hay tôn giáo đối với mức độ tiếp cận thông tin của những người này. Các kênh thông tin mà họ được tiếp cận khá phong phú: từ chia sẻ của người thân, bạn bè cho đến chuyên mục giáo dục giới tính trên báo chí, các chương trình truyền

hình, thông tin trên mạng xã hội. Nhìn chung họ là những người có thái độ cởi mở, khoan dung và đề cao giá trị của tình yêu thương và sự tôn trọng. Những lý do khiến nhóm này ủng hộ bao gồm:

- Các cặp đôi đồng giới nên có quyền được thừa nhận hôn nhân bình đẳng như những người khác;
- Việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ đảm bảo các quyền trong các vấn đề liên quan như ly hôn;
- Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ giúp các cặp đôi đồng giới được gia đình và xã hội chấp nhận, từ đó giúp họ có cuộc sống tích cực và đóng góp cho xã hội nhiều hơn.

Hộp 1. Những lý do ủng hộ hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới

"…đấy gọi là xã hội công nhận khi mà đã người ta ví dụ là người ta giấu thì không nói làm gì, nhưng mà tất cả gia đình bố mẹ đều biết xã hội đều biết rồi thì người ta cũng muốn là lúc đấy là người ta cũng muốn khẳng định mình" (HN16 - Nam, 38 tuổi)

"Quan hệ giữa họ như thế nào thì đó là cái việc lựa chọn cái tự do của họ, mình không có nên sắp đặt vì mỗi người có một cái hạnh phúc riêng của mình. Em nãy giờ nói thì tôn trọng quyền tự do con người thì là khi mà con cái hay là những người con cháu em hay là ai đó nếu mà cần sự trợ giúp của em thì em sẽ đồng ý" (HCM17 - Nam, 19 tuổi)

"Không phải là khuyến khích mà mình sẽ cho họ một cái gọi là hợp pháp một cái tiếng nói trong xã hội, rồi khi mà sau này họ lỡ có chuyện gì đó thì mình rất là dễ dàng giải quyết. Chứ bây giờ ví dụ như không có cấm đấy nhưng mà không cho đăng ký kết hôn thì sau này ví dụ như hai người đem nhau ra tòa kiện tụng này nọ thì rất là khó giải quyết mà nhiều khi lại thiệt thòi cho một trong hai người" (HCM14 - Nữ, 19 tuổi)

"Về lâu dài thì em nghĩ xã hội là cũng cần đồng ý cái này tại vì thực sự là khi mà con người được sống thoải mái cho chính mình nhất họ sẽ cảm thấy nhiều nguồn năng lượng nhất, người ta có thể cống hiến cho những cái xã hội những cái môi trường xung quanh nó tốt nhất" (HN7 - Nữ, 23 tuổi)

"Nếu mà ở góc độ của xã hội đấy, thì mình thấy nó không làm bất ổn xã hội, thậm chí nó làm ổn định xã hội hơn. Bởi vì là những cái người mà đồng tính bây giờ người ta đã không được thể hiện tình cảm của người ta, người ta không được công khai cái đám cưới của người ta, bây giờ người ta vẫn làm đám cưới chui, thì những cái này ủng hộ thì nó sẽ là làm bình ổn chứ không ảnh hưởng gì cả" (HN13 - Nam, 37 tuổi)

5.3. Lý do phản đối hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới

Trong khi tất cả người tham gia phỏng vấn đều đồng ý rằng bất cứ cặp đôi nào cũng có nhu cầu được chung sống, kết hôn và nhận được sự thừa nhận của những người xung quanh thì vẫn có một số người nói rằng dù như vậy thì họ cũng không muốn hôn nhân đồng giới được công nhận về mặt luật pháp. Những người này bày tỏ sự lo ngại nếu nhà nước hợp pháp hóa quyền kết hôn cho các cặp đôi đồng giới có thể kéo theo các hệ lụy về xã hội.

- **Giới trẻ có thể bị "lệch lạc" về giới và xu hướng tính dục của mình**

Một trong những lý do mà 40% người tham gia nghiên cứu đề cập tới là sự quan ngại về việc giới trẻ sẽ bị ảnh hưởng khiến cho "lệch lạc" hoặc "ngộ nhận" về xu hướng tính dục. Sự lo ngại này chủ yếu đến từ việc không có nhiều kiến thức về giới và tính dục, cho rằng đồng tính là một dạng bệnh lý và có thể "bị lây" từ người này sang người khác. Một vài người khác có bạn bè từng chuyển từ những mối quan

hệ dị tính luyến ái sang yêu người cùng giới thì bày tỏ sự lo ngại rằng những trải nghiệm tình cảm vào những thời điểm nhạy cảm về tâm lý có thể khiến người ta bị "ngộ nhận" xu hướng tính dục của mình.

> *"Em không kỳ thị đồng tính, và nếu các cặp đôi đồng tính đến với nhau thì em cũng không có ý kiến gì hết nhưng mà để mà luật pháp chấp nhận thì nó khó. Tại vì luật pháp chấp nhận đồng tính và cuộc hôn nhân thì nó sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến những đứa trẻ sau này. Tại vì có nhiều người thậm chí họ còn không xác định được giới tính, mình là ai, kiểu như vậy,* và có nhiều đứa nó cứ chơi với những đứa LGBT đấy thì trong quá trình chơ*i thì tự nhiên nó không biết được bản thân mình là nam hay nữ. C*ó nhiều người như vậy thì sau này rồi nếu xã hội chỉ có người đồng tính kết hôn với nhau thì nó rất là lạ." (HCM1 - Nam, 20 tuổi)

> *"Cái xã hội quá cởi mở hoặc là đã đón nhận những cái một cái chuyện mới như thế này rồi mà lại chưa có một cái sự chuẩn bị về mặt giáo dục chẳng hạn thì nó rất là dễ những đứa trẻ đấy nó sẽ bị suy nghĩ lệch lạc một chút đấy. V*í dụ như là nó sẽ dễ bị ngộ nhận chẳng hạ*n, nó nghĩ cái chuyện là như gay rất là bình thường, đấy xong rồi nó bảo thích yêu ai thì yêu, chỉ quan trọng là cảm xúc của mình đến đâu thôi. Thế nhưng mà ví dụ thực sự là bạn ấy là một kiểu con trai thẳng nhưng mà nó lại nghĩ nó là bisexual hay nó nghĩ nó là gay đấy, thì ví dụ như kiểu chỉ đơn thuần là nó thấy một bạn nam có một hành động rất là ứng xử rất là tốt chẳng hạn, xong rồi nó nghĩ là nó cảm nắng bạn ấy nhưng thực ra chỉ đơn thuần là kiểu tâm lý kiểu nó là lòng tốt nhưng chưa hoàn toàn là tình yêu đấy, thì nó sẽ dễ rớt nó dễ lệch lạc với cái cảm xúc như thế."* (HN5 - Nữ, 20 tuổi)

Một số người khác cho rằng tình yêu đồng tính là một kiểu phong trào của giới trẻ, xuất phát từ sự "bồng bột", "nông nổi" nhất thời. Từ những lầm tưởng này, những người này cho rằng việc Nhà nước công nhận hôn nhân đồng giới sẽ khuyến khích nhiều người trẻ theo đuổi "lối sống này". Ở một góc độ nào đó, quan điểm này có liên hệ mật thiết với tâm lý kỳ thị đồng tính (homophobia) và dường như được đưa ra như một cách thức để kiềm chế việc thể hiện xu hướng tính dục công khai của người đồng tính luyến ái.

- **Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới có thể tạo ra xung đột xã hội**

Từ niềm tin rộng rãi rằng mức độ cởi mở trong xã hội là khác nhau, đặc biệt là những khu vực nông thôn rộng lớn ở Việt Nam vẫn còn thiếu thông tin và có thái độ kỳ thị với cộng đồng LGBT, có khoảng 75% người trả lời phỏng vấn tỏ ra lo ngại rằng hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở thời điểm hiện tại có thể gây ra các xung đột xã hội. Tất cả người tham gia nghiên cứu đều đồng ý rằng những nhóm đối tượng như thanh niên và những người sinh sống ở khu vực đô thị thì có tư tưởng cởi mở với cộng đồng LGBT và hôn nhân đồng giới hơn là những người lớn tuổi và những người sinh sống ở khu vực nông thôn. Giải thích cho điều này, những người trả lời phỏng vấn cho rằng người sinh sống ở thành phố có nhiều điều kiện để tiếp cận với thông tin cũng như dễ có cơ hội tiếp xúc với người LGBT hơn[1]. Tương tự, thanh niên cũng được cho là đang ở trong giai đoạn tích cực tích lũy kinh nghiệm sống và có nhiều tương tác với những nhóm khác nhau trong xã hội nên người trẻ sẽ dễ chấp nhận hôn nhân đồng giới hơn.

> *"Những cặp đồng tính thì mình nghĩ [xã hội] cũng chưa cởi mở nhiều. Ở những thành phố lớn thì có thể là cởi mở, như Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh thì có thể cởi mở hơn. Nhưng mà nhiều nơi thì là sẽ chưa cởi mở, chưa chấp nhận. Thậm chí người ta vẫn đưa câu chuyện bê đê các thứ ra người ta trêu nhau, con trai trông mày ái thế trông mày yếu thế… Thậm chí là ở lớp con mình bé tí mà mình đưa về đã bảo là bê đê, […] vẫn có những cái sự phân biệt chứ chưa cởi mở về cái đấy [LGBT]."* (HN13 - Nam, 37 tuổi)

> *"Thứ nhất truyền thông, thứ hai là định kiến. […] giới trẻ hay là những thành phố đấy là người ta dễ chấp nhận hơn bởi vì người ta đã có được cái truyền thông đấy rồi và người ta đã bỏ được cái định kiến đi rồi. C*òn những người lớn tuổi hơn hay là những người ở vùng sâu vùng xa thì những cái đấy người ta chưa có, và nếu mà mình xét về tổng thể xã hội, thì cái số người mà không ủng hộ đang rất cao hơn, và nếu như bây giờ mình đồng ý luật đấy thì nó sẽ tạ*o thành cái xáo trộn*

1 Các nghiên cứu về trẻ em LGBT đường phố (Nguyen, Nguyen, Le, Vu, & Luong, 2012) và khảo sát về cộng đồng LGBT ở Việt Nam (Phuong, 2014), đã chỉ ra rằng người LGBT có xu hướng di cư đến khu vực đô thị, nơi họ tự do bộc lộ bản dạng giới và xu hướng tính dục của mình hơn.

cho xã hội.” (HN13 - Nam, 37 tuổi)

> *“Việt Nam mình vẫn còn phong kiến nhiều tức là cái tỷ lệ người dân mà sống ở nông thôn đấy, tức là cái tỷ lệ đấy là nó còn lớn hơn ở thành phố, nó còn nhiều. Tức là dân số về nông nghiệp đấy, dân số về nông nghiệp chiếm cao hơn là khó chấp nhận cái đấy. Ở những cái vùng xa đấy người ta khó chấp nhận hơn.”* (HCM2 - Nữ)

Sự lo ngại này có ở cả ba nhóm trung lập, phần nào ủng hộ và phần nào phản đối. Điều này cũng gợi ý rằng các can thiệp nhằm nâng cao nhận thức xã hội về người LGBT cần có những chiến lược mở rộng hoạt động sâu và rộng hơn, vươn tới những địa bàn ngoài khu vực đô thị.

- **Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới có thể ảnh hưởng đến dân số**

Có khoảng 25% số người được hỏi bày tỏ sự lo ngại việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới có thể ảnh hưởng tới tỉ lệ sinh sản của đất nước. Mối lo ngại thường đi kèm với những lầm tưởng rằng đồng tính luyến ái là có thể “bị lây lan” hoặc là “phong trào”, và vì thế việc Nhà nước thừa nhận hôn nhân đồng giới trở thành yếu tố khuyến khích khiến ngày càng nhiều người đồng tính công khai hơn, dẫn tới sự suy giảm về dân số.

> *“Ảnh hưởng đến dân số đấy, tức là việc những cặp vợ chồng bình thường đến với nhau và sinh con theo về mặt sinh học như bình thường, thì nếu mà [hôn nhân đồng giới] được luật công nhận sẽ dẫn đến […] khiến cho các cái cặp đôi [đồng tính luyến ái] đấy người ta thoải mái hơn, người ta tự do hơn, người ta nghĩ là người ta sẽ come out nhiều hơn.”* (HN2 - Nam, 25 tuổi)

> *“Nếu như mà ủng hộ họ đấy, thì mình cứ theo thái độ tích cực mình ủng hộ họ đấy thì càng ngày những cái cặp đồng tính thì nó sẽ càng nhiều càng nhiều, càng nhiều lên thì nó sẽ ảnh hưởng đến nòi giống sau này.”* (HCM14 - Nữ, 19 tuổi)

> *“Nếu anh cổ vũ cho chuyện đấy thì bọn em, các bạn nữ cứ yêu nhau thì bọn anh làm sao yêu được bạn nữ nào. Ví dụ như vậy chẳng hạn, hai bạn trai mà cứ yêu nhau như vậy thì bạn nữ yêu ai, hoặc là mai kia thì sinh con thì sinh con kiểu gì, tại vì nó là quy luật của cuộc sống rồi đấy. […] nó cứ đi ngược với tự nhiên hay sao ấy.”* (HN4 - Nam, 34 tuổi)

Nỗi lo ngại dân số bị suy giảm này có quan hệ mật thiết với tâm lý cho rằng duy trì nòi giống là một xu hướng tự nhiên, tất yếu của con người và là một trong những mục đích chính của hôn nhân. Mối liên hệ này sẽ được phân tích chi tiết ở phần sau của báo cáo về các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ và quan điểm về hôn nhân đồng giới của những người trả lời phỏng vấn.

6. Những yếu tố tác động đến quan điểm và thái độ của người tham gia nghiên cứu

6.1. Quan niệm duy trì nòi giống như là mục đích chính của hôn nhân

Hầu hết người tham gia nghiên cứu đều đồng ý rằng, ‘*hôn nhân*’ là cái đích mà các cặp đôi đều hướng tới khi yêu nhau để cùng xây dựng ‘*gia đình*’. Vì thế trong các định nghĩa về *‘hôn nhân’* và *‘gia đình’* mà những người trả lời phỏng vấn đưa ra có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nhìn chung, hầu hết các câu trả lời đều mô tả về hôn nhân như là hành động gắn kết giữa hai con người (trong phần lớn các trường hợp được hiểu là người dị tính luyến ái). Các từ mô tả về hôn nhân xuất hiện chủ yếu là: *‘yêu thương’, ‘chia sẻ’, ‘trách nhiệm’*.

> *“Một gia đình đó là một sự kết hợp mà cái gắn kết đó là không chỉ là sự yêu thương, trách nhiệm, chia sẻ,* đùm bọc… Hôn nhân thì cũng là vậy thôi, cũng phải là sự kết hợp *của hai con người, và hai con người phải có sự đồng cảm, có sự yêu thương và có sự tôn trọng nhau.”* (HCM13 - Nữ, 57 tuổi)

Tuy nhiên khi được hỏi sâu về mục đích của hôn nhân, người trả lời phỏng vấn đã đưa ra những gợi mở giúp hiểu rõ hơn những quan niệm tiềm ẩn phía bên dưới. Quá trình phân tích và đối chiếu dữ liệu cho thấy nhiều từ, cụm từ lặp lại liên tục trong những câu trả lời về định nghĩa cũng như mục đích của hôn nhân. Bằng việc đếm tần suất của các từ được những người tham gia nghiên cứu sử dụng để mô tả về hôn nhân, có thể thấy một điều thú vị rằng với họ *‘tình yêu’* không phải là điều duy nhất quan trọng trong hôn nhân. Theo bảng tần suất dưới đây, các thành tố quan trọng nhất trong hôn nhân lần

lượt là: Duy trì nòi giống, (hướng tới duy trì) Mối quan hệ lâu dài, Trách nhiệm, Sự chia sẻ, và Tình yêu.

Hình 3. Các thành tố chủ chốt của hôn nhân theo quan điểm của người trả lời phỏng vấn theo tần suất



Ảnh hưởng từ quan điểm đặt việc tái sinh sản là mục đích trọng tâm của hôn nhân, có thể hiểu được lý do có đến 90% số người trả lời phỏng vấn cho rằng trong một gia đình lý tưởng hai người cần phải có con chung. Phân tích mối liên hệ trong mạng lưới từ ngữ cho thấy, những thành tố quan trọng khác của hôn nhân như *Trách nhiệm, Mối quan hệ lâu dài* và *Chia sẻ* cũng đều nằm trong mối quan hệ với việc sinh con và dẫn đến việc đối ngẫu (partner) được mong đợi chia sẻ trách nhiệm trong quá trình nuôi dạy con cái.

> *"…một người đàn ông mà nó biết yêu thương, biết cảm thông, biết chia sẻ những cái gánh nặng đối với mình, biết làm một chút việc nhà không có nghĩa là làm tất cả mọi việc nhà, nói chung là hai người cùng làm cái việc nhà với nhau, và cả là họ không có cái, họ sẽ không bỏ rơi mình."* (HN3 - Nữ, 25 tuổi)

Những thành tố của hôn nhân này cũng gắn chặt với hình mẫu gia đình lý tưởng mà những người trả lời phỏng vấn mô tả, là nơi mà: hai người nam nữ cùng ***sinh con*** và ***chia sẻ trách nhiệm*** chăm sóc con cái để duy trì một gia đình ***bền lâu***. Những cách nhìn nhận về hôn nhân và gia đình này rất nhất quán khi đối chiếu với câu trả lời về những lý do khiến người tham gia nghiên cứu lo ngại về việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới đã được đề cập ở phần trước của nghiên cứu.

Hình 4. Mối quan hệ giữa quan niệm về hôn nhân và những lo ngại về việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới



- **Kết hôn để tái sinh sản và duy trì mô thức gia đình như quy luật tất yếu**

Việc duy trì nòi giống hay là sinh con được phần lớn người tham gia nghiên cứu đề cập đến khi nói về định nghĩa và mục đích của hôn nhân, là thành tố được nhắc đến nhiều nhất so với các thành tố khác. Quan niệm "trai lớn dựng vợ, gái lớn gả chồng" được phản ánh qua sự chia sẻ của nhiều người, khi họ nói rằng gia đình và xã hội mong đợi họ lập gia đình như một "lẽ thường tình", một "quy luật tự nhiên". Đến độ tuổi trưởng thành, người ta cảm thấy có sức ép vô hình về việc cần phải kết hôn để lập gia đình, và tiếp theo đó là sinh con để duy trì họ tộc.

> *"Con một trong gia đình không kết hôn sẽ không duy trì được nòi giống của gia đình khi mà người Việt Nam mình có một* cái truyền thống là thờ cúng. Ví dụ như sau này ba mẹ chị mất, *rồi sau này chị cũng già không ai lo,* lúc đó là không ai chăm sóc thì mình lại trở thành một cái gánh nặng *của xã hội."* (HCM14 - Nữ, 19 tuổi)

Ở cấp độ xã hội, nhiều người nói rằng gia đình là đơn vị cấu thành của xã hội và do đó cá nhân cần phải tiếp tục duy trì mô thức gia đình để đảm bảo xã hội có thể tiếp tục phát triển. Nếu như cá nhân không tuân theo quy luật này, đi ngược lại với mong đợi của gia đình và xã hội thì sẽ bị cho là "trái với tự nhiên", "bất thường".

Bảng 2. Lý giải về việc kết hôn và lập gia đình như một quy luật tất yếu

Kết hôn và lập gia đình là quy luật tự nhiên	**Không lập gia đình** và sinh con là bất bình thường
"Tự nhiên là quy luật sinh sản đấy, tức là cấu tạo về sinh học, về việc mà con người được tiếp tục, loài người tiếp tục sinh sôi, đấy là tự nhiên, đấy là tự nhiên phát triển. […] thực ra em từng suy nghĩ là sẽ không sinh con, cho đến bây giờ đấy nhưng mà em giờ em mới hiểu là không thể không sinh con được... Nó còn áp lực từ gia đình, từ bố mẹ, và thực ra cái việc không sinh con cũng là một việc khá là tiêu cực đối với em, em nghĩ như thế, bởi vì sinh sản nó là một quy luật tự nhiên rồi." (HN2 - Nam, 25 tuổi)	*"Bất thường là mình không có theo cái quy luật tự nhiên đúng không, tự nhiên là mình là phụ nữ thì phải có thiên chức làm mẹ, đẻ con. Còn quan niệm là tôi không thích đẻ con duy trì nòi giống là bất thường, thế thành ra theo cái lối phương Tây rồi."* (HCM16 - Nữ, 49 tuổi)
"Cái quy luật chung đấy mọi người thì lớn lên, bé rồi lớn lên lập gia đình rồi sinh con rồi ở với nhau đấy… Con trai với con gái rồi là sinh con, lập gia đình thì đấy là quy luật tự nhiên từ xưa rồi." (HN4 - Nam, 34 tuổi)	*"Thế hệ của ba mẹ chị mà trở về trước đấy thì cái chuyện kết hôn và sinh con là một cái chuyện rất là tự nhiên. Nếu mà mình không làm cái chuyện đó thì nó không bình thường."* (HCM12 - Nữ, 30 tuổi)
"Về góc độ xã hội thì mình nghĩ là mục đích [của hôn nhân] thì có thể là duy trì nòi giống, duy trì để phát triển con người mọi người, và mục đích nữa là ổn định xã hội." (HN13 - Nam, 37 tuổi)	*"Suy nghĩ trong xã hội từ xưa đến nay thì cái việc mà sinh con tức là một cái việc bình thường, còn cái việc mà không sinh con thì họ cho là bất thường. Họ rất là hay xì xào đàm tiếu sau lưng gia đình không có con thì chính vì thế cho nên vô tình nó tạo thành một cái áp lực cho người ta."* (HCM15 - Nữ, 29 tuổi)

Ở trong bối cảnh văn hóa coi việc sinh con là quy luật tất yếu, người ta có xu hướng coi những mối quan hệ đồng tính luyến ái là bất bình thường vì những mối quan hệ này được cho là không đáp ứng được nhu cầu tái sinh sản của xã hội. Vì lý do này mà những mối quan hệ đồng tính luyến ái gặp phải những định kiến và kỳ thị từ xã hội như một hình thức loại trừ xã hội (social exclusion): *"Tại sao lại là nam và nam? Tại sao không phải là nam nữ? Tại sao lại đi ngược lại với cả tự nhiên? Chính vì thế người ta sẽ đàm tiếu, người ta sẽ kiểu dị nghị…"* (HN6 - Nữ, 19 tuổi).

- **Kết hôn nhằm hướng đến xây dựng và duy trì một gia đình bền lâu**

Đối với những người tham gia phỏng vấn, gia đình được nhìn nhận như một đơn vị xã hội có yếu tố lịch sử, nghĩa là một khi kết hôn thì cá nhân được mong đợi sẽ tiếp nối những truyền thống của họ tộc và duy trì một gia đình ổn định, bền vững. Vì thế tần suất của những từ mô tả thời gian như 'lâu dài', 'đi đường dài', 'mãi mãi', 'bền lâu', 'trọn đời' xuất hiện liên tục trong những mô tả về hình ảnh gia đình lý tưởng.

> *"Theo em nghĩ là nếu [hai người] mà cứ sống [với nhau] như thế mãi thì là một gia* đình, còn nếu mà chỉ được một thời gian ngắn thì tất nhiên là không rồi, đơn giản chỉ là hai người yêu nhau và sống thử *thôi."* (HN2 - Nam, 25 tuổi)
>
> *"Tức là lựa chọn cá nhân của mình khi mà mình chọn cái người nào mà mình kết hôn, cái thứ hai trách nhiệm thì khi mà chị nghĩ là đã đến với nhau xác định là để sống với nhau trọn đời thì phải có tinh thần trách nhiệm với nhau trong cuộc sống."* (HN11 - Nữ, 34 tuổi)

Trong hình mẫu gia đình bền lâu này, việc có con chung để cùng chăm sóc là một yếu tố quan trọng để "gắn bó" thêm mối quan hệ giữa hai người. Nhiều người cho rằng mặc dù hai người có thể bắt đầu hôn nhân bằng tình yêu nhưng đó lại không phải là một yếu tố bền vững có thể kéo dài mãi. Họ cho rằng khi những hưng cảm của tình yêu qua đi thì điều sẽ giữ hai người ở lại bên nhau trong một gia đình là tình thương yêu và trách nhiệm dành cho đứa con chung. Trong khi đó, xã hội lại có ấn tượng về việc tình yêu đồng tính là chóng vánh, không lâu dài[2] và vì thế người ta không có niềm tin rằng các cặp đôi đồng giới có thể xây dựng được một gia đình hạnh phúc bền lâu.

> *"Thường thì theo chị thấy là cái mối quan hệ của các bạn ấy đều không được lâu dài, vì các bạn ấy còn trẻ, cá tính của các bạn đều rất là mạnh. Mặc dù các bạn ấy yêu nhau vượt qua mọi điều tiếng để ở với nhau thì vẫn phải có những cái xung đột trong bản thân chính bạn ấy khi bước vào một quá trình sống chung đấy. Rồi để mà thấu hiểu nhau để mà ở cùng với nhau thì rất là khó, […] để bây giờ quan hệ kiểu như là chơi bời lắng nhằng cho người ta có cái nhìn không tốt về những cái mối quan hệ [đồng tính] đấy."* (HN8 - Nữ, 29 tuổi)

Nỗi lo ngại trên bị tô đậm thêm bởi việc các cặp đôi đồng tính không thể có con chung về mặt huyết thống. Ở khía cạnh này, dường như mối quan ngại đối với người đồng tính nam lớn hơn đối với người đồng tính nữ.

> *"Hai người phụ nữ với nhau là dễ dàng hơn là với hai người đàn ông, họ có thể là vẫn sinh con được, vẫn có một cái để mà gắn bó được cái đấy, vì họ vẫn còn có cái chức năng của phụ nữ người ta sinh nở. Nhưng đối với hai người đàn ông thì gần như không có để mà mang lại được, nó gọi như kiểu gọi là người đồng tính như thế gọi là chớp nhoáng thôi, cũng chỉ được lâu bền năm sáu năm là dài. Còn đối với người [đồng tính] nữ thì anh nghĩ người ta có thể gắn kết được với nhau là dài hơn."* (HN16 - Nam, 38 tuổi)

Quan niệm rằng người thân trong gia đình cần là những người có quan hệ về huyết thống cũng ánh chiếu qua những lo ngại rằng khi các cặp đôi đồng giới nhận con nuôi, họ có thể sẽ không thể thực sự yêu thương đứa con đó vì không có liên hệ máu mủ. Ngay cả khi thảo luận về trường hợp các cặp đồng tính có thể tìm đến các can thiệp y học để có con, nhiều người vẫn băn khoăn về việc chỉ có một trong hai người thực sự có mối quan hệ huyết thống với đứa trẻ thì liệu người còn lại thể thương yêu và thực hiện đầy đủ trách nhiệm với đứa trẻ trong mọi tình huống hay không.

6.2. Những giá trị và nền tảng văn hóa gia đình

- **Hy sinh như là đạo đức của cá nhân trong gia đình**

Số đông người tham gia nghiên cứu cho rằng 'hy sinh' được cho là một thành tố quan trọng để cá nhân có thể duy trì gia đình bền vững, đặc biệt ở nhóm trung niên và nhóm cao tuổi. Quan niệm này được xây đắp trong xã hội Việt Nam từ thời kỳ chiến tranh và kéo dài đến tận giai đoạn hậu chiến. Những trải nghiệm từ cuộc sống cá nhân khiến cho họ tin rằng sự hy sinh là đức tính cần thiết phải có khi sống trong gia đình. Đạo đức của sự hy sinh đặc biệt được nhắc tới như là đức tính đáng trân trọng trong vai trò của những người làm cha, làm mẹ khi cống hiến tất cả trong khả năng có thể cho con cái.

> *"Cái hy sinh của bố cô là một cái để cho mình cảm thấy được là mình có những cái thành tựu hoặc là mình có cái đời sống hoặc mình được những cái sau này là cũng một phần rất lớn là do cha và mẹ mình làm."* (HCM13 - Nữ, 57 tuổi)

> *"Một số cái điểm chung [của cha mẹ thế hệ trước] là rất là chăm cho con cái, dám hy sinh. [...] giai đoạn thế hệ sau này thì cảm giác mọi người trong gia đình buông nhau ra dễ lắm. […] bây giờ hình như cái tôi nó to hơn đấy, tôi to hơn mọi người, dễ kiểu quyết định hôn nhân, ly hôn thế này kia kiểu dễ dàng hơn đấy."* (HN4 - Nam, 34 tuổi)

Trước quan niệm này, những người con trong gia đình cũng được mong đợi cần phải biết tiết chế 'cái

2 Trong nghiên cứu về hình ảnh của người LGBT được khắc họa trên báo chí tại Việt Nam (iSEE, 2011) với 38 bài viết đề cập về việc tìm bạn tình của người đồng tính cho thấy tình yêu đồng tính luyến ái thường được mô tả với công chúng là những cuộc tình khác thường, chóng vánh chứ không phải những tình yêu đích thực và lâu bền.

tôi' (ego), đặt sự ***hòa hợp*** của gia đình lên hàng đầu: *"Thật sự là ai cũng có những cái vất vả riêng, thì mọi người biết thông cảm cho nhau. [...] mọi người không nên đặt cái tôi của mình lên quá cao trong cái mối quan hệ gia* đình" (HN3 - Nữ, 25 tuổi). Điều này cũng giải thích việc người LGBT công khai sống thật có thể bị chỉ trích hơn là nhận được sự thông cảm. Việc công khai và sống khác với 'lẽ thường', trái với kỳ vọng của gia đình và số đông xã hội trở thành những lựa chọn cá nhân 'ích kỷ', 'chỉ biết đến bản thân mình'. Trong nền văn hóa đặt những nhu cầu cá nhân đằng sau những chuẩn mực và trật tự xã hội, người đồng tính cũng bị yêu cầu phải 'hy sinh' để sống theo những gì mà cha mẹ và xã hội mong muốn.

- **Quan niệm cá nhân cần phục tùng các trật tự xã hội**

Giáo dục trong gia đình là bước đầu của quá trình xã hội hóa và đóng một vai trò nền tảng trong việc hình thành các ý niệm của cá nhân về thế giới xung quanh. Đối với hầu hết người trả lời phỏng vấn, họ đều có trải nghiệm về việc được ông bà, cha mẹ dạy dỗ rằng cần phục tùng các thứ bậc về tuổi tác. Những phép tắc nói năng, thưa gửi cho đến những quy tắc 'kính trên nhường dưới', 'vâng lời người lớn tuổi' được coi là không thể thiếu trong một gia đình 'nề nếp', 'gia giáo'. Quyền lực của cha mẹ gần như là tuyệt đối, họ đưa ra các quy tắc và yêu cầu con cái phải tuân theo. Hành vi này được nhiều người đề cập tới như là "sự bảo ban", "định hướng" của người làm cha mẹ đối với con cái. Điều này khiến cho nhiều người thuộc thế hệ trẻ cảm thấy tù túng, mất tự do khi bị hạn chế quyền đưa ra quyết định trong cuộc sống của mình: *"…khi mà em không làm theo những cái định hướng của bố mẹ em thì em thấy rất là ổn, mặc dù em biết là bố mẹ em muốn tốt cho em nhưng mà em không muốn sống cả đời theo ước mơ của người khác"* (HN3 - Nữ, 25 tuổi). Mặc dù vậy, nhiều người vẫn cố gắng thích nghi theo những nếp sống này để giữ được **sự hòa hợp gia đình** mà theo họ là quan trọng bậc nhất.

> *"Bố mẹ mình hay có cái rập khuôn là như thế này là đúng, như thế kia là không đúng, ….] hay có những cái chuẩn mực, hay có những cái kỳ vọng như con trai thì phải thế này con gái thì phải thế kia. Mình cư xử thế này nhưng mà tức là có cái chuẩn, ví dụ như em bé thì phải như thế nào thì là ngoan, ăn cơm thì phải mời, gặp người lớn thì phải chào, v.v... Tức là một loạt những cái chuẩn mực..."* (HN13 - Nam, 37 tuổi)

> "*Luôn luôn có chuẩn mực, ví dụ như với ba mẹ thì luôn luôn phải kính trọng, ba mẹ luôn luôn đúng không được cãi lại ba mẹ, còn đối với em thì luôn luôn phải nhường nhịn em, chơi với em thì không được giành phần thắng.*" (HCM12 - Nữ, 30 tuổi)

Tâm lý duy trì 'sự hòa hợp' này cũng ánh chiếu trong mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội. Việc cho rằng cá nhân cần phải tuân thủ theo các trật tự và quy tắc đã được định sẵn được thể hiện qua ý kiến của cả ba nhóm tuổi trong nghiên cứu. Đặc biệt với nhóm trung niên và người cao tuổi, niềm tin này càng mạnh mẽ đi cùng với những ví dụ về những hình thức trừng phạt và loại trừ xã hội (social sanctions and social exclusion) nếu cá nhân dám phá bỏ những chuẩn mực và trật tự xã hội.

> *"Mình đã là một thành viên trong gia đình thì mình có cái cá nhân nhưng cái cá nhân của mình nó không quá là tôi là một chủ thể duy nhất. Tôi chỉ làm theo tôi thì đương nhiên cái người đó không thể sống bất cứ ở một cái cộng đồng nào hết, con phải tự vào rừng con sống một mình con thì lúc đó con mới tự làm theo ý mình… Mình phải cho các thành viên thấy được là hài hòa giữa cái cá nhân và cái chung với mọi người thì mới được, còn nếu mà mình chỉ là mình thôi không bao giờ mình được hạnh phúc".* (HCM13 - Nữ, 57 tuổi)

> *"…những cái trường hợp mà một vài cá nhân mà nó có cái tính cách mà nó hơi khác một tí thì nói chung người ta cũng không ưng. Những cái người đấy bản thân họ khi mà chơi với bạn bè hoặc là ra một cái cộng đồng không được mọi người ưng đấy thì là tự nhiên là người ta sẽ bị loại dần, bản thân cái người đấy người ta đã phải suy nghĩ lại".* (HN1 - Nữ, 57 tuổi)

Trong cách nhìn nhận của nhiều người tham gia nghiên cứu, người đồng tính chính là những kẻ phá hoại những quy chuẩn của số đông trong xã hội. Vì vậy, hành vi không những không chấp hành chuẩn mực mà còn kêu gọi xã hội thay đổi của cộng đồng LGBT bị cho là 'đòi hỏi quá đáng': *"Việc mà cả xã hội đặt ưu tiên cho một người chỉ vì họ thích [người cùng giới] như vậy, họ nghĩ [muốn kết hôn với người cùng giới] cho nên người khác phải thay đổi như vậy nó không công bằng"* (HN7 - Nữ, 23 tuổi).

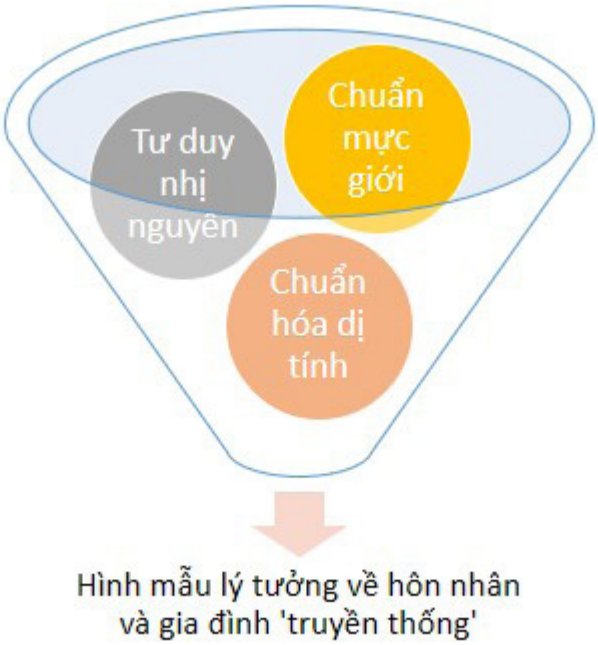
6.3. Quy chuẩn hóa dị tính luyến ái trong hình mẫu gia đình

Những khuôn mẫu về vai trò giới (gender stereotypes) trong một hệ thống tư duy nhị nguyên cùng với việc quy chuẩn hóa dị tính luyến ái (heteronormativity) đã cùng bồi đắp những hình mẫu lý tưởng về hôn nhân và gia đình 'truyền thống'. Với gia đình của người Việt, trẻ em sớm tiếp nhận các ý tưởng về những chuẩn mực giới (gender norms) trong hệ thống tư duy nhị nguyên (binary mindset). Có thể dễ thấy những cặp phạm trù theo kiểu cấu trúc luận (structuralism) xuất hiện trong tư duy về vai trò giới của những người tham gia nghiên cứu: nam – nữ, vợ - chồng, bố - mẹ, chồng gánh vác kinh tế - vợ chăm sóc con cái, v.v…

> *"Đã lý tưởng thì phải có bố mẹ thì nó mới gọi là lý tưởng. […] phải có một người vai bố, một người vai mẹ và phải có ít nhất một người con thì nó mới tạo ra một cái tổng thể gia đình hoàn chỉnh. Khi mà đã thành một gia đình rồi, nếu mà có đầy đủ đó thì người mẹ sẽ giúp con phát triển về cái mặt tình cảm, còn người bố sẽ giúp con phát triển về mặt tư duy, như vậy cái người con sinh ra trong gia đình đó thì nó sẽ phát triển được toàn diện hơn".* (HCM17 - Nam, 19 tuổi)

> *"Gia đình hạnh phúc là gia đình mọi người biết chia sẻ với nhau. Tuy nhiên để chia sẻ như thế nào thì chắc là có lẽ là mình lại quay lại một chút là cái việc là mọi người phải ở trong nhà là nếp nhà như thế nào rồi là mọi người phải biết tròn chức năng nhiệm vụ của mình, xác định được cái việc là phụ nữ như thế nào, người chồng như thế nào".* (HN11 - Nữ, 34 tuổi)

Hình 5. Những yếu tố ảnh hưởng đến hình mẫu hôn nhân và gia đình lý tưởng



Chính bởi tư duy nhị nguyên này khiến cho người ta khó khăn khi hình dung về những thứ nằm ngoài trật tự vốn quen thuộc với họ. Ở mức độ thấp, điều này gây ra cảm giác ngạc nhiên, không thoải mái. Với những người mà hệ thống nhị nguyên ăn sâu vào cách họ tri nhận thế giới, nó sẽ tạo ra sự áp đặt dị tính (heterosexual hegemony)[3] và gây ra kỳ thị với người đồng tính. Quy chuẩn hóa dị tính trong hình mẫu gia đình cũng được củng cố thông qua luật pháp, và được người dân sử dụng như là chuẩn mực trong việc tham chiếu đến những hình mẫu gia đình 'phi truyền thống' khác, bao gồm cả các cặp đôi đồng giới hay bà mẹ đơn thân.

> *"Tư tưởng từ xa xưa tới giờ rồi là phải gia đình, nếu mà đã là một gia đình thì phải có một người bố một người mẹ. Còn khi mà mình cái hôn nhân đồng giới thì nó không được chấp nhận là một*

3 Samuel A. Chambers và Terrell Carver (2008) và Ludwig (2011) cho rằng dị tính luyến ái đã vượt qua mức độ là một hành vi xã hội mang tính thân mật thông thường và trở thành một chuẩn mực xã hội 'thông thường'. Vì thế việc quy chuẩn dị tính luyến ái mang tính quyền lực và củng cố vị thế của nó bằng cách tạo ra các chuẩn dị tính mang tính thể chế (institutional heterosexism).

gia đình đấy.” (HCM17 - Nam, 19 tuổi)

“*Em không biết đạo luật Việt Nam có chưa về việc đăng ký kết hôn chẳng hạn, bây giờ thế thế cuối cùng [nếu hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới] thì điền thế nào: ai là chồng, ai là vợ? Tức là trong cái chức danh ở trong cái tờ giấy kết hôn đấy.”* (HN15 - Nam, 30 tuổi)

“Khi làm giấy khai sinh cho con thì không thể nào hai người bố ở trong tờ giấy khai sinh được, thì nó sẽ gây ra cái không. R*ồi nó không có tình trạng pháp lý đối với người con, thì mình đăng ký giấy khai sinh thì nó không có được trọn vẹn* đó. Mình chỉ được đứng tên một người bố thôi chứ cũng không được đứng tên hai người bố thì đó là một quan điểm *[rằng các cặp đồng tính không phù hợp có con] rồi.”* (HCM17 - Nam, 19 tuổi)

Chính vì bà mẹ đơn thân hay các cặp đôi đồng giới không đáp ứng được những mong đợi về hình mẫu gia đình ‘truyền thống’ chuẩn mực, họ thường bị coi là không có khả năng tạo ra môi trường giáo dục hoàn hảo cho trẻ em. Trong khi gia đình của bà mẹ đơn thân chỉ bị coi là ‘khiếm khuyết’ vai trò của người bố, thì gia đình đồng giới không những bị coi là ‘khiếm khuyết’ vai trò của người bố hoặc mẹ mà còn bị coi là môi trường tiềm ẩn nguy cơ khiến trẻ em bị “lệch lạc về giới tính” và có nguy cơ chịu sự kỳ thị từ những người xung quanh.

*“[Khi bố mẹ ly dị thì trẻ em] nó đang ở trong một gia đình bình thường, nó sẽ thiếu cha hoặc thiếu mẹ. C*òn hai nam*, hai nữ thì đứa con đấy […]* nó sẽ ảnh hưởng đứa bé rất là nhiều*, […..] sau này bị ảnh hưởng rất là lớn về tâm sinh lý.”* (HCM4 - Nữ)

“Họ sẽ nuôi đứa con đó theo một cách nào? Họ sẽ nuôi đứa con đó theo cái tình thương theo giới tính của họ hay là họ sẽ dạy đứa con đó ra sao? […] mình không hiểu họ làm thế nào để dạy một đứa con. […] nó sẽ có một cái hệ lụy nào *trong một gia đình đồng tính như vậy?”* (HCM8 - Nữ)

“Đi trên đường mà cảm giác như hai người nam, hai người nữ, cảm giác như đối xử với nhau nó hơn mức bạn bè bình thường đó, người ta đã nhìn ngó người ta đã nói này nói kia rồi, thì người con nữa, khi mà người con lúc còn nhỏ thì không sao nhưng mà lúc mà lớn lên thì áp lực về xã hội đấy thì nó cũng gây ra một cái chướng ngại tâm lý đối với người con.” (HCM17 - Nam, 19 tuổi)

6.4. Nhận thức về mối quan hệ giữa công dân và pháp luật

- **Tâm lý “việc ai người nấy lo”**

Những người có quan điểm hoàn toàn ở mức 3 (Trung lập – không ủng hộ cũng không phản đối) chiếm khoảng 1/3 tổng số người tham gia nghiên cứu. Diễn giải về sự tự đánh giá này, những người này cho rằng vấn đề có ủng hộ hôn nhân đồng giới hay không ít có liên hệ tới bản thân mình. Họ cho rằng kết hôn là quyền của mỗi cá nhân, và do đó hôn nhân đồng giới là vấn đề mà các cặp đôi đồng giới phải tự lên tiếng giải quyết.

*“M*ình hổng có thấy được vấn đề đó nên mình không ý kiến *gì. N*ói chung là mình thấy được cái điều đấy nhưng mà mình hổng có quan tâm, mình nghĩ không có ảnh hưởng tới vấn đề gia đình của mình, nên là mình không có ý kiến *gì đâu”.* (HCM6 - Nữ)

“Em đấy em vẫn nói em không ghét ai cả nhưng mà em không thích lo chuyện bao đồng, và em thấy chuyện này nếu mà mình đứng ra ủng hộ đấy thì đang có chiều hướng là hơi hơi một tí có chuyện bao đồng”. (HN2 - Nam, 25 tuổi)

Có hai cách giải thích về hiện tượng tâm lý này được người trả lời phỏng vấn đưa ra: (một) là người Việt Nam hiện nay bị mất sự kết nối với cộng đồng, (hai) là do người dân đang tập trung vào phát triển kinh tế cho cá nhân nên không quan tâm tới các vấn đề xã hội.

*“Một trong những cái lý do là chúng ta phải nói từ chuyện cái kiến thức xã hội của người Việt Nam mình nó cũng còn khá là hạn chế. Mọi người hiện giờ đang tập trung vào chuyện làm kinh tế nhiều hơn làm sao làm giàu cho cuộc sống của cá nhân mình trước”. (*HCM12 - Nữ, 30 tuổi)

"Người Việt hơi nghĩ nhiều đến trách nhiệm với bản thân, chưa nghĩ nhiều đến cái trách nhiệm với cộng đồng và với xã hội và với đất nước nói chung, tức là cái tính kết nối cộng đồng nó vẫn còn thấp". (HN11 - Nữ, 34 tuổi)

Tâm lý **"**việc ai nấy lo**"** có thể tạo ra nhiều trở ngại trong quá trình vận động và thúc đẩy các nhóm trong xã hội tham gia vào phong trào ủng hộ hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Có một số người trả lời phỏng vấn lại hiểu điều này theo góc độ khác, rằng việc lên tiếng là quyền của những người trong cuộc, vì thế những người bên ngoài (không thuộc cộng đồng LGBT) không có quyền lên tiếng thay họ. Cả hai cách nhìn này đều cần được có những chiến lược can thiệp nếu muốn người dân tham gia giải quyết các vấn đề thông qua quá trình vận động luật.

- **Tâm lý mất niềm tin vào hiệu lực thực thi của pháp luật**

Một yếu tố đáng chú ý là nhiều người tham gia nghiên cứu tỏ ra không có niềm tin vào hệ thống luật pháp. Trong bối cảnh xã hội và chính trị nhiều biến động, nhiều người dân Việt Nam dường như phải đối mặt với nhiều bất ổn trong đời sống hằng ngày. Khi đối mặt với bất ổn nhưng hệ thống hành pháp lại không tỏ ra hiệu quả trong việc giải quyết những khúc mắc trong đời sống, người dân nảy sinh cảm giác mất niềm tin vào tính hiệu lực của luật pháp: "*pháp luật nó chỉ là một tờ giấy thôi mà có cái gì đâu"* (HN4 - Nam, 34 tuổi). Điều này dẫn đến việc một bộ phận người dân không còn coi luật pháp làm hệ thống tham chiếu khi giải quyết các vấn đề mà thay vào đó tự mình xử lý bằng những chuẩn mực xã hội. Một số người gọi hiện tượng này "sự linh hoạt" trong đời sống xã hội của người Việt Nam.

"Họ cứ làm như thế thôi, thì quan trọng nhất là định kiến xã hội. […] người ta cư xử theo định kiến xã hội hay theo cái niềm tin của họ chứ người ta không theo pháp luật. […] Linh hoạt ví dụ như kể cả là về giờ giấc chẳng hạn, hẹn giờ này nhưng mà có thể là sớm hơn muộn hơn và cũng du di cho nhau. Hoặc là giống như kiểu là hành pháp chẳng hạn mình bắt đầu là kiểu cái việc mà thi hành đấy thì lúc này là nó không rõ ràng là A là A, B là B mà nó sẽ linh hoạt. Ví dụ như là đi có thể thi thoảng vượt đèn đỏ một tí cũng được, đấy mọi thứ là nó đều linh hoạt" (HN13 - Nam, 37 tuổi).

Một số người cho rằng việc Luật Hôn nhân và Gia đình 2013 mặc dù không công nhận, nhưng cũng không cấm kết hôn đồng giới là một sự cởi mở đối với cộng đồng LGBT, và người đồng tính nên chấp nhận việc chung sống với nhau như hiện tại. Trong quá trình thảo luận về những bất lợi của các cặp đôi đồng giới phải đối diện khi hôn nhân của họ không được Nhà nước công nhận và bảo hộ, nghiên cứu viên đã đưa ra nhất nhiều vấn đề như quyền được bảo vệ trong trường hợp chia tay và chia tài sản, quyền nhận con nuôi và chia sẻ trách nhiệm nuôi con, quyền thân nhân trong chế độ bảo hiểm, giảm trừ thuế cho người phụ thuộc hay ủy quyền trong các trường hợp đặc biệt. Đặc biệt, trong số 3 video được chiếu cho những người tham gia phỏng vấn xem có video về một cặp đôi đồng tính nữ đề cập đến trường hợp khẩn cấp đi cấp cứu và cần chứng minh quan hệ nhân thân. Nhiều người cho rằng sự lo lắng của cặp đôi là không cần thiết vì bản thân họ có nhiều trải nghiệm về 'sự linh hoạt' khi bỏ qua các thủ tục được quy định bằng cách 'lót tay' cho nhân viên y tế. Bởi vậy, nhiều người nghiêng về phía phản đối vẫn duy trì quan điểm người đồng tính không nhất thiết phải được pháp luật công nhận vì họ cho rằng trên thực tế đời sống tại Việt Nam thì quy định luật pháp đôi khi chỉ mang tính hình thức, có thể được xử lý bằng cách mối quan hệ.

"Nếu mà hai người đến với nhau thì không sao, tại vì luật pháp Việt Nam bây giờ mặc dù không cho phép người đồng tính kết hôn nhưng mà họ vẫn ngầm hiểu là người đồng tính có thể đến ở với nhau vẫn được không sao." (HCM1 - Nam, 20 tuổi)

"Nếu mà nói là giấy tờ thì thực sự mình nghĩ yêu nhau có ai cần cái tờ giấy đó đâu. Tuy nhiên tờ giấy đó là để đảm bảo cho tất cả xã hội công nhận rằng mình là một phần của người đó và mình có rất là nhiều quyền đối với người đó, vậy thôi. Đó là cách nghĩ mà phù hợp và phổ biến nhất hiện tại là như vậy, còn nếu mà nói là đám cưới thì dễ rồi đâu có ai cấm mình cưới đâu đúng không." (HCM8 - Nữ)

"Ừ thì [chung sống với nhau như người] xa lạ cũng được chứ có sao đâu, mọi người sống với nhau bằng cái sự cảm nhận, bằng những cái hành động cho nhau chứ nó không phải trên tờ giấy, còn nếu mà không thích thể hiện tìm đứa khác yêu luôn đi." (HN4 - Nam, 34 tuổi)

Có thể thấy, hiện tượng mất niềm tin vào hệ thống pháp luật không những có thể tạo ra những lý do để biện hộ cho việc phản đối hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới của nhóm nghiêng về phía phản đối mà còn là một yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng tham gia lên tiếng của những người nghiêng về phía ủng hộ trong quá trình vận động phong trào. Tâm lý mất niềm tin vào hiệu lực thực thi của luật pháp khiến cho cả những người có quan điểm trung lập và quan điểm nghiêng về phía ủng hộ hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tỏ ra không mấy quan tâm đến việc vận động luật. Họ cho rằng ngay cả những cặp đôi dị tính luyến ái hiện nay cũng có những vấn đề mà mặc dù trên giấy tờ được pháp luật bảo vệ nhưng trong nhiều trường hợp cũng không có nhiều giá trị, khiến người ta phải tự mình giải quyết.

- **Tâm lý né tránh đương đầu khi xảy ra các xung đột trong xã hội**

Trong các thảo luận nhóm, nhiều người tỏ ra không sẵn sàng khi được gợi ý tham gia lên tiếng vận động cho quyền kết hôn bình đẳng của các cặp đồng giới. Tham gia vận động luật không phải là một hoạt động được phổ biến rộng rãi trong đời sống người dân Việt Nam. Phần đông người dân tin rằng việc làm luật là việc "đã có Đảng và Nhà nước lo" và người dân chỉ cần tập trung vào việc phát triển kinh tế gia đình. Trên thực tế, không phải người dân nào cũng có cơ hội tham gia đóng góp ý kiến để sửa đổi luật, vì thế càng củng cố quan niệm rằng việc làm và sửa đổi luật pháp không cần đến sự tham gia của công chúng. Việc thiếu những cơ chế khuyến khích sự tham gia của người dân, cộng với những hành động hạn chế tiếng nói đa chiều của xã hội trong những vấn đề được Nhà nước cho là 'nhạy cảm' đã tạo ra tâm lý ngần ngại, lo sợ của nhiều người. Với họ, ngay cả việc lên tiếng cho những vấn đề mà bản thân họ gặp phải cũng là cả một thách thức chứ chưa kể đến việc đi ủng hộ để vận động cho vấn đề của người khác.

> *''Người ta không tham gia vào, hô hào xong không làm đấy thì nó có thể là vì nỗi sợ, thứ nhất là vì nỗi sợ, thứ hai là lòng tham, mình nghĩ là như thế. Nỗi sợ là ở Việt Nam mình cứ làm cái gì là bị vùi dập, bị bắt, hoặc là như mình chẳng hạn thì mình sẵn sàng mình đứng ra nhưng mà những người xung quanh mình cản. […] ví dụ như gia đình chẳng hạn, bố mình có facebook là lại mày lên viết thế này thế kia à, là phản động à, […] thế nên là mình có những cái nỗi sợ đấy"* (HN13 - Nam, 37 tuổi)

> *"Cái nỗi sợ đấy có lẽ nó cũng xuất phát từ cái việc là mình có những cái cơ chế vận hành của nhà nước mình nó có những cái nó không được minh bạch. Nó* không có cơ chế để bảo vệ những người có nếu như mà có bức xúc thì nêu một *cái vấn đề và phải được bảo vệ. […] còn cái chuyện là có thể là từ văn hóa giáo dục của mình từ trước đến nay cũng không dạy cho mình là phải tính phản biện cao hay rồi tính chính trực cao…."* (HN11 - Nữ, 34 tuổi)

Thái độ không muốn tìm cách giải quyết các vấn đề xã hội khiến cho những gợi ý về sự tham gia lên tiếng ủng hộ hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới trở nên khó khăn, ngay cả với những người nghiêng về phía ủng hộ. Chính từ sự mất niềm tin vào thượng tôn pháp luật nhưng không thể tìm được cách đối thoại với Nhà nước để tháo gỡ, người dân chỉ còn cách lựa chọn chịu đựng, "sống chung với lũ". Tình trạng này kéo dài đã làm họ nảy sinh tâm lý né tránh đối đầu với xung đột, tránh gặp những rủi ro có thể gặp phải khi công khai đấu tranh để tạo ra hay đổi trong xã hội.

> *"Họ biết được cái vấn đề đấy là nó bức xúc và nó khó chịu đấy thế. Nhưng mà mọi người cũng không quan tâm đấy […], chẳng hạn như không đấu tranh. Cái việc đấy nó sai đáng lẽ ra là phải đấu tranh, nhưng mà người khác không đấu tranh thì thôi mình cũng không đấu tranh. Mọi người chấp nhận được thì mình cũng chấp nhận được. Thế sau đến lúc là kêu la thì cũng vẫn kêu rất là to, nhưng mà thực sự là kiểu như đấu tranh để có một cái bước nhảy cụ thể đấy thì là thôi ai đấu tranh thì đấu tranh mình không đấu tranh đâu"* (HN12 - Nữ, 36 tuổi).

> *"Sống đâu thì mình phải lựa theo đó để cho mình, mình phải tồn tại trước đã rồi bắt đầu mình mới đấu tranh được. Chứ mà đấu tranh theo cái cách như mình cứ bảo là bây giờ lúc nào cũng phải đấu tranh một cách trực tiếp đấy thì mình nghĩ là không. Từ xưa đến nay nó vẫn có hai hình thức là gián tiếp và trực tiếp, tùy bạn, bạn phù hợp với cách thức nào thì bạn chọn cái cách thức đó. Đối với mình ở đây họ cũng chẳng phải là hèn nhát đâu nhưng quan trọng là họ biết cái sức của họ nó chỉ đến thế thôi, họ không làm thế nào được"* (HN15 - Nam, 30 tuổi).

- **Người LGBT không cống hiến cho xã hội mà chỉ biết đòi hỏi**

Ảnh hưởng từ quan niệm coi sự hy sinh như một đạo đức mà cá nhân nên có để duy trì sự hòa hợp của gia đình và xã hội, nhiều người Việt Nam cũng cho rằng các cá nhân nên đề cao việc cống hiến cho xã hội lên trước khi kêu gọi cho quyền lợi cá nhân. Trên thực tế, không có ai đưa ra được dẫn chứng cụ thể chứng minh được rằng người LGBT đóng góp cho xã hội ít hơn những người khác. Mặc dù vậy, nhiều người nghiêng về phía phản đối hôn nhân đồng giới vẫn cho rằng người LGBT chỉ biết kêu ca, đòi hỏi mà không thể hiện trách nhiệm của mình với xã hội. Sự cáo buộc không có cơ sở này một lần nữa tô đậm thêm ấn tượng rằng người LGBT là những kẻ 'ích kỷ' và chống đối xã hội và củng cố những định kiến tiêu cực về các cặp đôi đồng giới nói riêng và cộng đồng LGBT nói chung.

> *"Mọi người cứ lúc nào cũng đòi quyền không là không đúng, mình phải có nghĩa vụ nữa, ai trong xã hội thì cũng vậy thôi, thì là có nghĩa vụ thì mới có quyền. Ngay cả bản thân người đồng tính họ cũng không hiểu rõ quyền, họ coi họ nghĩ là họ bị thiệt thòi đó, cho nên họ chỉ đòi quyền lợi thôi nhưng họ không có làm nghĩa vụ. Có nghĩa là không phải vì mình ở một cái khía cạnh khác của xã hội mình yếu thế cho nên mình chỉ hăng hái đòi quyền lợi thôi, mình phải đóng góp cho xã hội nữa. […] Vì cách sống của mình khác người khác thì tốt nhất là phải tôn trọng người khác, không nên quá sức. […] bạn đó làm ra như là tất cả xã hội đang đấu tranh chống lại bạn đấy vậy đó, thực ra không có, mà bạn đó là tính ích kỷ, đúng không"* (HCM8 - Nữ).

6.5. Vai trò và tác động của giáo dục và truyền thông

Hầu hết người trả lời phỏng vấn đều cho rằng giáo dục và truyền thông hiện nay về kiến thức giới và tính dục chưa có nhiều và cũng chưa vươn tới được các nhóm đa dạng trong xã hội[4]. Thông tin chuẩn xác về giới và tính dục chưa được phổ biến rộng rãi đã tạo điều kiện cho các khuôn mẫu và định kiến về người LGBT tiếp tục phát triển. Có đến khoảng 2/3 số người tham gia nghiên cứu không có hiểu biết về giới và tính dục, và khoảng hơn 1/2 tin rằng đồng tính là một dạng 'bệnh' hoặc 'trào lưu' có thể lây lan. Mặc dù là nhóm được đánh giá là có nhiều cơ hội tiếp xúc với thông tin từ giáo dục và truyền thông hơn những nhóm tuổi khác, quá trình phỏng vấn những người ở độ tuổi thanh niên cũng cho thấy những thông tin không chính xác và những định kiến, hiểu lầm về người LGBT vẫn đang phổ biến rộng rãi. Đối với giáo dục, thanh niên chia sẻ rằng vẫn chưa có bắt cứ một môn học hay sinh hoạt ngoại khóa nào cung cấp thông tin chuyên sâu về giới và tính dục trong nhà trường, kể cả từ Trung học cho tới Đại học. Mặt khác, những hoạt động thúc đẩy sự hiện diện của người LGBT và những kiến thức liên quan được cho là còn khu trú trong bộ phận giới trẻ đô thị mà chưa có tác động đến những người trung niên, người lớn tuổi và những người sống ở nông thôn.

Về truyền thông đại chúng, tuy hình ảnh về người LGBT đang dần trở nên quen thuộc hơn nhưng những ấn tượng về họ tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nghệ thuật, giải trí. Một mặt, điều này có sức lan tỏa tới giới trẻ và những người yêu thích nghệ thuật, thể hiện ở việc nhiều người (chủ yếu ở nhóm tuổi thanh niên và nhóm người nữ lớn tuổi) cho biết họ tiếp cận thông tin về người LGBT qua các chương trình giải trí trên truyền hình như: 'Người ấy là ai', 'Giọng hát Việt'. Một số cá nhân được nhắc đến có thể kể tới như Hương Giang, Vũ Cát Tường, Chi Pu, Gil Lê, v.v… Tuy nhiên, một số người cũng đã chỉ ra rằng họ chỉ thấy sự hiện diện của cộng đồng LGBT nhưng không được cung cấp thông tin đi kèm để thực sự hiểu về giới và tính dục. Ở mặt khác, điều này cũng tạo ra những lầm tưởng rằng tình yêu đồng tính là một 'phong cách thể hiện', một kiểu 'trào lưu' của nghệ sĩ trong ấn tượng của những bộ phận khác trong xã hội.

> *"Những cái hoạt động này nó thường sẽ diễn ra ở trong những hoạt động tuyên truyền như là hiểu biết về LGBT thường trong nhất là trong giới trẻ. Thứ hai là trong những kiểu, những người hoạt động nghệ thuật, thì em cảm thấy là LGBT trong giới đấy rất là nhiều và nhưng mà nói chung là nó vẫn rất là cục bộ. Thế nên là để những các bậc cha mẹ, những người lớn tuổi hơn, những người mà làm cái ngành nghề nó hơi cứng nhắc hơn mà đồng ý và hiểu về vấn đề [hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới] này thì chắc chắn phải có một cái hình mẫu, một cái cột mốc gì đấy để khiến cho toàn bộ nhận thức thay đổi. Tại vì LGBT đâu phải mới đâu, em thấy kiểu hoạt động rất là nhiều rồi, nhưng mà thực trạng*

4 Báo cáo Có phải bởi vì tôi là LGBT – Nghiên cứu: Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới (iSEE, 2016) với ý kiến thu thập từ 2362 người thuộc cộng đồng LGBT đưa ra kết quả tương tự: 90% số người trả lời cho rằng những kiến thức đúng về xu hướng tính dục và bản dạng giới vẫn còn phổ biến ít tại Việt Nam.

nó có thay đổi nhưng mà nó cũng chưa mạnh mẽ đến mức như vậy" (HN7 - Nữ, 23 tuổi).

"Thực ra mình cũng chưa có tuyên truyền nhiều về cái chuyện về đồng tính đấy. Cái chuyện mà về mặt sinh học, về mặt khoa học nó như thế nào, […] tức là mình mới chỉ thấy có hiện tượng là hiện tượng bên ngoài thôi. Chứ còn trong tất cả mọi cái, cái truyền thông đấy thì nó chưa có tuyên truyền nhiều về cái đấy. Chỉ những người hiểu biết nhiều đấy người ta đọc nhiều, đọc nhiều đấy, chứ còn chưa đi đến những cái công chúng xa. Cô nghĩ là khi mà cái truyền thông nó tiếp cận được với số đông dân chúng, mà những cái dân chúng ở những vùng, kể cả những vùng xa xôi người ta thấy được cái chuyện đấy thì lúc đấy mới đưa vào luật ok" (HCM2 - Nữ).

7. Kết luận và khuyến nghị

7.1. Kết luận

- Quá trình phân tích cho thấy, những đặc điểm nhân khẩu học như giới, tình trạng kết hôn và trình độ học vấn không có nhiều ý nghĩa liên hệ tới thái độ và quan điểm của những người tham gia nghiên cứu. Yếu tố độ tuổi có ảnh hưởng đến mức độ tiếp cận với các kênh truyền thông, trong đó nhóm thanh niên có nhiều cơ hội tiếp xúc với thông tin hơn cả, tiếp theo đó là người lớn tuổi, và cuối cùng là nhóm trung niên.
- Những lý do được những người nghiêng về phía ủng hộ quan tâm là: (1) sự bình đẳng về quyền và (2) sự hòa hợp, phát triển của xã hội. Trong khi đó người nghiêng về phía phản đối lo ngại về: (1) giới trẻ có thể bị ngộ nhận về giới tính, (2) xung đột xã hội, (3) ảnh hưởng đến dân số.
- Tư duy nhị nguyên, chuẩn mực giới và việc quy chuẩn hóa dị tính luyến ái trong hình mẫu gia đình là những yếu tố tạo ra thái độ kỳ thị và định kiến với người LGBT. Các cặp đôi đồng giới bị cho là không thể xây dựng được một gia đình hạnh phúc bền vững vì không có khả năng sinh con có chung huyết thống với cả hai người.
- Tâm lý việc ai nấy lo, sự mất niềm tin vào hiệu lực thực thi của pháp luật và e ngại lên tiếng về các vấn đề xã hội là những yếu tố ảnh hưởng lớn đến khả năng vận động sự tham gia của người dân Việt Nam vào các phong trào xã hội.
- Truyền thông và giáo dục về giới và tính dục hiện nay được thực hiện rải rác, cục bộ với một số nhóm đối tượng như người trẻ ở đô thị nên không tạo được hiệu quả trong việc nâng cao nhận thức của xã hội về người LGBT. Những khuôn mẫu về việc đồng tính là một 'lựa chọn' mang tính 'trào lưu' hoặc là một 'bệnh' có thể lây lan vẫn còn phổ biến ở tất cả các nhóm độ tuổi khác nhau trong xã hội. Vì thế cần có chiến lược nâng cao nhận thức xã hội sâu và rộng hơn để làm bước đệm cho quá trình vận động luật.

7.2. Những gợi ý xây dựng chiến lược

- **Các hoạt động can thiệp**

- Cần xây dựng các loại hình hoạt động đa dạng để phá bỏ những cản trở tâm lý của những người có quan điểm trung lập, những người còn đang băn khoăn về việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Các hoạt động tuyên truyền và giáo dục nhận thức cần tính đến những nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội thay vì tập trung chủ yếu vào thanh niên đô thị.
- Trong một xã hội mà việc tham gia thảo luận và vận động thay đổi các vấn đề xã hội không được thực hành một cách rộng rãi và thường xuyên, những người thiết kế can thiệp cần khéo léo và linh hoạt thúc đẩy sự tham gia của các nhóm đối tượng đích vào các thảo luận xã hội mở trước khi kêu gọi họ tích cực lên tiếng ủng hộ.

- **Thông điệp** và phương thức truyền tải

- Phân tích những thành tố được coi là quan trọng trong hôn nhân và hình mẫu gia đình lý tưởng

cho thấy ‘tình yêu’ không phải là giá trị quan trọng nhất mà xếp sau các yếu tố khác như ‘sinh con’ (duy trì nòi giống), ‘trách nhiệm’, và ‘sự bền lâu’. Điều này gợi ý rằng người xây dựng chiến lược cần lưu ý đến việc tạo ra những thông điệp mới ngoài ‘Yêu là yêu’ đã được thực hiện trước đây thì mới có thể tác động tới thái độ và quan điểm của người Việt Nam.

- Tiếp tục thúc đẩy những giá trị về sự đa dạng như là động lực để xã hội phát triển hài hòa. Người thực hiện can thiệp cần tạo ra hình ảnh các gia đình đa dạng như để phá vỡ những khuôn mẫu và định kiến hiện tại về các cặp đôi đồng giới. Nhân vật trong các câu chuyện nên được mô tả là những người có trách nhiệm với gia đình và có cống hiến cho xã hội và mong muốn xây dựng mái ấm hạnh phúc lâu dài.
- Cần đưa những hình ảnh về những câu chuyện gia đình đa thế hệ đời thường hạnh phúc như một sự hài hòa xã hội chứ không phải sự chống lại những giá trị ‘truyền thống’. Người chia sẻ thông điệp nên là những người lớn tuổi và/hoặc là người nam giới trong gia đình.
- Cần có những chia sẻ của chuyên gia và những người có chuyên môn về giới tính dục. Song song với điều đó cần có thêm những nghiên cứu về sự phát triển của trẻ em trong các gia đình ‘phi truyền thống’ để tạo lòng tin của xã hội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng hướng dẫn thảo luận nhóm

HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN NHÓM

1. **Mục tiêu thảo luận nhóm**

   - Tìm hiểu những giá trị cốt lõi của người Việt Nam: ai đã dạy những giá trị đó cho họ và dạy như thế nào.
   - Hiểu định nghĩa về HÔN NHÂN theo quan điểm của người Việt Nam và vai trò của hôn nhân trong xã hội.
   - Tìm hiểu mối quan hệ giữa lựa chọn cá nhân, trách nhiệm với gia đình, sự hài hòa của xã hội và ảnh hưởng của những yếu tố này tới quyết định kết hôn của một cá nhân.
   - Người Việt Nam có suy nghĩ gì về người đồng tính nam/nữ? Những khuôn mẫu nào về người đồng tính nam/nữ cản trở họ ủng hộ hôn nhân đồng giới?
   - Nên truyền tải thông điệp dựa trên giá trị nào để thuyết phục người Việt Nam? Ai nên là những người truyền tải thông điệp?
   - Xác định nhóm dễ thuyết phục và xác định những điểm chung của họ (nếu có)?

2. **Chuẩn bị cho buổi thảo luận nhóm**

	Công việc	Chuẩn bị
Đặt lịch hẹn	- Lập nhóm thảo luận theo địa điểm phù hợp với người cấp tin - Đặt lịch hẹn với người cấp tin trước một tuần	- Tìm địa điểm phù hợp (phòng thảo luận cho nhóm 8-10 người) cho mỗi nhóm và đặt phòng trước một tuần
Giới thiệu	- Giới thiệu nhóm nghiên cứu - Giới thiệu nghiên cứu: tìm hiểu quan điểm của xã hội về các ý nghĩa và các giá trị của hôn nhân và gia đình trong xã hội hiện đại - Cung cấp thông tin về đạo đức nghiên cứu và đưa giấy xác nhận đồng ý tham gia nghiên cứu cho người cấp tin - Cung cấp thông tin về thời gian thảo luận nhóm dự kiến cho người cấp tin	- Giấy xác nhận đồng ý tham gia nghiên cứu - Giấy màu, bút viết bảng, băng dính - Máy chiếu
Khởi động	- Người cấp tin giới thiệu tên, tuổi, công việc hiện tại, tình trạng hôn nhân - Chơi trò chơi khởi động nếu có thể	

3. **Cấu trúc hướng dẫn phỏng vấn sâu**

Chủ đề thảo luận	Câu hỏi	Ghi chú

1. Những giá trị của người Việt Nam	- Cha mẹ của anh chị đã dạy anh chị đối xử như thế nào với: (1) các thành viên trong gia đình, họ hàng; và (2) đồng bào cùng là người Việt Nam? - Anh chị đã dạy con mình đối xử như thế nào với: (1) các thành viên trong gia đình, họ hàng; và (2) đồng bào cùng là người Việt Nam? - (Những) giá trị nào là cốt lõi, dẫn đường trong cuộc sống của anh chị? - Có phải những giá trị anh chị vừa chia sẻ là giá trị chung của người Việt? Nếu không thì đâu là những giá trị gắn với người Việt Nam? - Giá trị chung nào khiến anh chị tự hào vì là người Việt Nam?	Người hướng dẫn phỏng vấn nên viết ý tưởng/từ khóa lên giấy màu và dán lên tường theo trình tự của cuộc thảo luận
2. Ý nghĩa của hôn nhân trong xã hội Việt Nam	- Trong xã hội Việt Nam thì mục đích của hôn nhân là gì? - Có những lý do gì khiến một người quyết định kết hôn? - Hôn nhân được coi là lựa chọn cá nhân hay nghĩa vụ đối với gia đình? Nếu là cả hai thì điều nào quan trọng hơn? - Một cuộc hôn nhân lý tưởng là một cuộc hôn nhân như thế nào? Có hình mẫu hay mô hình nào cho một cuộc hôn nhân như vậy không? - Với những người không đạt được hình mẫu lý tưởng đó thì điều gì sẽ xảy ra? Ví dụ (1) người đã ly dị và là cha/mẹ đơn thân và (2) người không bao giờ muốn kết hôn - Những người trong ví dụ trên có đe dọa đến sự hài hòa của xã hội không? Nên tạo áp lực xã hội để thay đổi họ hay để họ sống theo cách mà họ thấy thoải mái nhất?	

3. Hôn nhân và các cặp đôi đồng giới	*Có thể thấy không phải ai cũng kết hôn và có một gia đình truyền thống…* - Quan điểm của anh chị về các cặp đôi đồng tính luyến ái (nam-nam và nữ-nữ)? - Người LGBT có phải là một phần của xã hội Việt Nam không? - Anh chị có nghĩ họ có mong muốn được kết hôn giống như các cặp nam-nữ không? Tại sao? - Họ có nên được pháp luật thừa nhận quyền kết hôn giống các cặp đôi khác không? Điều gì khiến anh chị không đồng tình? Tại sao? - Nếu như có thêm nhiều người được quyền kết hôn thì điều đó có ảnh hưởng gì tiêu cực tới hôn nhân hay đời sống của anh chị hay không? - Anh chị có quen biết với người đồng tính nào không?	* Chuẩn bị trước thông tin (có trích dẫn) về việc là LGBT là tự nhiên từ khi sinh ra, không phải là lựa chọn trong trường hợp cần làm rõ thông tin sai lệch
4. Những giá trị trong cách đối xử với các cặp đôi LGBT	*Ở phần đầu của cuộc phỏng vấn, anh chị có nói đến giá trị x, y và z.* - Vậy khi nghĩ về GIA ĐÌNH, ví dụ, có câu nói rằng mỗi người đồng tính đều là con gái/con trai, anh/chị/em, cháu của một ai đó thì anh chị cảm thấy như thế nào? Nếu giả sử anh chị có con là người đồng tính thì anh chị sẽ muốn xã hội đối xử với con mình như thế nào? Anh chị muốn con mình sống cô đơn một mình cả đời, hay anh chị muốn con có được cơ hội kết hôn? - Nếu mọi công dân Việt Nam đều bình đẳng, và mọi người đều có quyền hưởng 3 giá trị Độc lập, Tự do và Hạnh phúc của Việt Nam, thì tại sao các cặp đồng tính luyến ái lại bị từ chối quyền kết hôn người mà họ yêu? - Liệu xã hội có ổn định và hài hòa hơn nếu chúng ta chấp nhận người đồng tính luyến ái thay vì phân biệt đối xử với họ?	* Cho người cấp tin xem lại những giá trị từ phần trước

5. Thông điệp và người truyền tải thông điệp	*Cảm ơn anh chị đã chia sẻ những quan điểm của mình, đây là những thông tin hết sức quý báu với nhóm nghiên cứu. Sau buổi thảo luận ngày hôm nay, anh chị nghĩ những ai sẽ là người phù hợp và đáng tin cậy để truyền tải chủ đề này?* - Bản thân người đồng tính? Hay anh chị/bố mẹ/ông bà của họ? - Chuyên gia khoa học, bác sĩ hay nhà tâm lý học? - Người nổi tiếng? Chính trị gia? *Em muốn mời anh chị xem và cho nhận xét về 3 đoạn video về chủ đề này:* -Video 1: Cặp đôi đồng tính nữ người Việt -Video 2: Người bà ở Đài Loan -Video 3: Người cha ở Đài Loan ***Nhận phản hồi về video và tập trung vào các câu hỏi sau:** Chi tiết nào khiến anh chị cảm thấy tích cực nhất? Điều gì khiến anh chị ngạc nhiên nhất? Chi tiết nào khiến anh chị thay đổi suy nghĩ về các cặp đôi đồng giới và gia đình họ? Anh chị muốn biết thêm điều gì sau khi xem video?	

Phụ lục 2: Bảng hướng dẫn phỏng vấn sâu

HƯỚNG DẪN PHỎNG VẤN SÂU

- Giới thiệu nghiên cứu: Nghiên cứu tìm hiểu quan điểm của xã hội về các ý nghĩa và các giá trị của hôn nhân và gia đình trong xã hội hiện đại.
- Sự tham gia của người trả lời là tự nguyện. Danh tính và các thông tin được chia sẻ sẽ được giữ bí mật, không cung cấp cho bên thứ 3. Nếu trích dẫn trong báo cáo sẽ trích dẫn dưới dạng ẩn danh (Ví dụ: anh Nguyễn Văn B, 29 tuổi, Hà Nội)
- Các tài liệu và thông tin thu được chỉ sử dụng cho mục đích cho nghiên cứu, không nhằm mục đích truyền thông hay thương mại.
- Xin phép sử dụng máy ghi âm trước khi bật (nhấn mạnh rằng các băng ghi âm và bản ghi chép tay đều được xóa sau khi nghiên cứu kết thúc).
- **Nhấn mạnh với người cấp tin:** Phỏng vấn nhằm tìm hiểu quan điểm của mỗi cá nhân, vì thế sẽ không có đánh giá về việc câu trả lời là đúng hay sai.

Nhóm câu hỏi	Câu hỏi
1-Giới thiệu bản thân	-Anh/chị tên là gì? Bao nhiêu tuổi? Công việc chính hiện tại? -Anh/chị có theo đạo hay tín ngưỡng nào không? -Tình trạng hôn nhân? Giới thiệu về gia đình (bố mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái)
2-Các mối quan hệ và giá trị trong cuộc sống	**2.1. Các mối quan hệ trong gia đình** -Anh/chị đánh giá mối quan hệ của mình với bố mẹ ra sao? Ảnh hưởng của mẹ trong quá trình trưởng thành? Ảnh hưởng của bố trong quá trình trưởng thành? -Trong mối quan hệ với cha mẹ, người con như anh/chị phải làm những gì để thể hiện sự hiếu thảo? -Anh/chị đánh giá mối quan hệ giữa mình với những người họ hàng của bố mẹ đẻ như thế nào? Họ có ảnh hưởng gì đến những quyết định của anh/chị hoặc quyết định của bố mẹ anh/chị? ***Với người đã có gia đình:** -Anh/chị có thể chia sẻ quá trình gặp gỡ/hẹn hò với người vợ/chồng của mình? Điều gì khiến anh/chị quyết định kết hôn? -Cảm nhận mối quan hệ giữa mình với người vợ/chồng của mình hiện nay như thế nào? -Mối quan hệ của anh/chị với gia đình và họ hàng bên vợ/chồng như thế nào? **2.2. Các giá trị trong cuộc sống:** -Cha mẹ của anh/chị đã dạy anh/chị đối xử như thế nào với: (1) các thành viên trong gia đình, họ hàng; và (2) đồng bào cùng là người Việt Nam? -(Những) giá trị nào là cốt lõi, dẫn đường trong cuộc sống của anh/chị? -Với anh/chị thì đâu là những giá trị định nghĩa người Việt Nam (ví dụ người Nhật là trung thực, tiết kiệm…)? ***Với người đã có con thì hỏi thêm:*** -Anh/chị đã dạy con mình đối xử như thế nào với: (1) các thành viên trong gia đình, họ hàng; và (2) đồng bào cùng là người Việt Nam?

3- Quan điểm về gia đình	-Anh/chị định nghĩa như thế nào về gia đình? Tại sao anh chị lại có cách hiểu như vậy? -Thế nào là một hình mẫu gia đình lý tưởng *(mời cho ví dụ cụ thể*)? Những kiểu gia đình như thế nào thì khó có được sự chấp nhận của xã hội? Pháp luật? Tại sao? -Những giá trị gì gắn kết những thành viên trong gia đình? -Có nhất thiết phải có hôn nhân để có gia đình hay không? Tại sao? -Những bà mẹ đơn thân cùng con cái có phải là gia đình không? Tại sao? Những người không kết hôn mà cùng chung sống với nhau có phải là gia đình không? Tại sao?

4-Quan điểm về hôn nhân	-Có những lý do gì khiến một người quyết định kết hôn? (hỏi gợi ý thêm ***tình yêu, trách nhiệm với gia đình, mong muốn có con cái…)*** ****Với người đã có gia đình:*** -Những lý do gì khiến anh/chị quyết định kết hôn? -Từ những trải nghiệm sống của mình, anh/chị định nghĩa như thế nào về hôn nhân? Cách hiểu này của anh/chị có phổ biến giữa những người xung quanh anh/chị hay không? -Theo anh/chị, cách hiểu về hôn nhân của thế hệ mình có gì khác biệt với thế hệ bố mẹ/con cái mình không? Nếu có thì tại sao lại có khác biệt đó? -Cần những giá trị nào để duy trì một cuộc hôn nhân bền vững? ***(Cố gắng để người trả lời nêu ít nhất 3 giá trị)*** -Không kết hôn hoặc chấm dứt hôn nhân có bị coi là bất hiếu với cha mẹ hay không? Tại sao?/ có ảnh hưởng gì đến mối quan hệ với bố mẹ không, tại sao? -Nếu nghĩ về việc không kết hôn, lợi ích và bất lợi của việc đó là gì? Với những người bạn cùng lứa tuổi của anh/chị, có bao nhiêu người không muốn kết hôn? Tỉ lệ? -Hôn nhân có phải nghĩa vụ của cá nhân hay không? Nghĩa vụ này có tạo ra áp lực với cá nhân không? Nếu có thì nó có khác nhau giữa nam và nữ không? Tại sao? -Thái độ của xã hội đối với những người kết hôn, lập gia đình với những người độc thân, không muốn kết hôn khác nhau như thế nào? Tại sao lại như vậy?

5-Lựa chọn cá nhân: Trách nhiệm hay Tự do	-Anh/chị nghĩ sao về việc sinh con? Đây là trách nhiệm hay là tự do lựa chọn của mỗi người? -Không muốn sinh con hoặc không thể sinh con có bị coi là bất hiếu không? Có gì khác nhau giữa việc 'không thể sinh' và 'không muốn sinh' không? Tại sao? - Tại sao việc sinh con nối dõi lại quan trọng với nhiều người? (Trong hôn nhân? Trong gia đình?) Kỳ vọng có con đối với nam và nữ có khác gì nhau không? Tại sao? -Trong 2 vấn đề: (1) kết hôn và (2) sinh con để duy trì dòng dõi thì đối với vấn đề nào cá nhân có thể tự do lựa chọn, với vấn đề nào thì không? Tại sao? -Anh/chị có cho rằng những ví dụ về những người không muốn kết hôn, không muốn sinh con có đe dọa đến sự hài hòa của xã hội không? Xã hội nên tạo áp lực để họ phải tuân thủ trật tự xã hội hay nên để họ sống theo cách mà họ thấy thoải mái nhất? -Anh/chị cho rằng xã hội hiện nay đang coi trọng trách nhiệm của cá nhân với gia đình, cộng đồng hơn hay tự do lựa chọn của mỗi cá nhân hơn? Quan điểm về vấn đề này giữa các thế hệ có gì khác nhau không? Tại sao?

6-Tình huống về hôn nhân đồng giới	**Cảm ơn anh/chị đã chia sẻ quan điểm của mình về các giá trị của hôn nhân với gia đình. Sau đây em sẽ đặt ra một trường hợp cụ thể khác để thảo luận để mở rộng các thảo luận về những hiện tượng của xã hội hiện đại, cụ thể là cộng đồng người đồng tính luyến ái.* -Quan điểm của anh/chị về quan hệ của các cặp đôi đồng tính luyến ái (nam-nam và nữ-nữ)? -Anh/chị có nghĩ họ có mong muốn được kết hôn giống như các cặp nam-nữ không? Họ có nên được pháp luật thừa nhận quyền kết hôn giống các cặp đôi khác không? Điều gì khiến anh/chị thấy đồng tình? Tại sao? Điều gì khiến anh/chị không đồng tình/bị thuyết phục? (Ảnh hưởng tới gia đình? Xã hội? Khác?) Tại sao? -Nếu như có thêm nhiều người được quyền kết hôn thì điều đó có ảnh hưởng gì tiêu cực tới hôn nhân hay đời sống của anh/chị hay không? - Với những người bạn cùng lứa tuổi của anh/chị, có bao nhiêu người có quan điểm đồng tình? Có bao nhiêu người không đồng tình? -Anh/chị nghĩ thái độ xã hội về việc kết hôn của những người đồng tính luyến ái như thế nào? Tại sao?
7-Cách xã hội đối xử với các cặp đôi đồng tính luyến ái	-Anh/chị có quen biết với người đồng tính nào không? Nếu có thì họ là ai, có quan hệ như thế nào? *Ở phần đầu của cuộc phỏng vấn, anh/chị có nói đến giá trị x, y và z. Vậy khi nghĩ về...GIA ĐÌNH, ví dụ, nếu như có một người đồng tính là con gái/con trai của người thân anh/chị thì anh/chị cảm thấy như thế nào? Nếu giả sử anh/chị có con là người đồng tính thì anh/chị sẽ muốn xã hội đối xử với con mình như thế nào? - Anh/chị có muốn con mình sống cô đơn một mình cả đời, hay anh/chị muốn con có được cơ hội kết hôn? - Liệu xã hội có ổn định và hài hòa hơn nếu chúng ta chấp nhận người đồng tính luyến ái thay vì phân biệt đối xử với họ? - Nếu mọi công dân Việt Nam đều bình đẳng, và mọi người đều có quyền hưởng 3 giá trị Độc lập, Tự do và Hạnh phúc của Việt Nam, thì tại sao các cặp đồng tính luyến ái lại bị từ chối quyền kết hôn người mà họ yêu?

*** Sau khi kết thúc phần phỏng vấn, mời người cung cấp tin xem video và cho nhận xét**:

Cảm ơn anh/chị đã chia sẻ những quan điểm của mình, đây là những thông tin hết sức quý báu với nhóm nghiên cứu. Trước khi kết thúc, em muốn mời anh/chị xem và cho ý kiến nhận xét về 3 đoạn

video.

***Bật lần lượt từng video và lấy phản hồi trước khi chuyển sang video tiếp theo:**

-Video 1: Cặp đôi đồng tính nữ người Việt

-Video 2: Người bà ở Đài Loan

-Video 3: Người cha ở Đài Loan

*** Nhận phản hồi về video và tập trung vào các câu hỏi sau:**

- Điều gì khiến anh/chị ngạc nhiên nhất?

- Những chi tiết nào gây cảm xúc mạnh nhất với anh/chị?

- Điều gì khiến anh/chị muốn biết thêm sau khi xem video?

- Có chi tiết nào khiến anh/chị thấy không thoải mái? Tại sao?

***Sau khi xem xong cả 3 videos:**

- Những video này có khiến anh/chị cảm thấy đồng cảm hơn với các cặp đôi đồng tính hay không?

- Chúng có khiến anh/chị cảm thấy muốn ủng hộ các cặp đôi đồng tính hơn không? Nếu có thì tại sao? Nếu không thì tại sao? Và như vậy thì anh/chị cần thêm thông tin gì để thấy được thuyết phục hơn?

- Những ai sẽ là người phù hợp để truyền tải thông điệp:

+ Bản thân người đồng tính? Hay anh chị/bố mẹ/ông bà của họ?

+ Chuyên gia khoa học, bác sĩ hay nhà tâm lý học?

+ Người nổi tiếng? Chính trị gia?

****Cảm ơn người cung cấp thông tin và kết thúc cuộc phỏng vấn.***

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bélanger, D. (1997). Modes de cohabitation et liens intergénérationnels au Vietnam. Cahiers québécois de démographie, 26(2), 215-245.

Bélanger, D., & Barbieri, M. (Eds.). (2009). *Reconfiguring families in contemporary Vietnam*. Stanford University Press.

Bélanger, D., & Hong, K. T. (1996). Marriage and the family in urban North Vietnam, 1965-1993.

Bicchieri, C. (2016). *Norms in the wild: How to diagnose, measure, and change social norms*. Oxford University Press.

Blanc, M. E. (2005). Social construction of male homosexualities in Vietnam. Some keys to understanding discrimination and implications for HIV prevention strategy. *International Social Science Journal*, *57*(186), 661-673.

Bui, P. T. (2003). La famille Vietnamienne: Point de repère dans les tourmentes? *Viet Nam contemporain*.

Cadière, L. (1930). La famille et la religion en pays annamite. *Bulletin des Amis du Vieux Hue*, 353-413.

Chambers, S., & Carver, T. (2008). *Judith Butler and Political Theory: Troubling politics.* Routledge.

Edwards, B., & McCarthy, J. (2004). Resources and Social Movement Mobilization. In D. Snow, S. Soule, & H. Kriesi, The Blackwell Companion to Social Movements (pp. 116-152). Blackwell Publishing.

Hirschman, C., & Minh, N. H. (2002). Tradition and change in Vietnamese family structure in the Red River Delta. *Journal of Marriage and Family*, *64*(4), 1063-1079.

Horton, P. (2014). 'I thought I was the only one': the misrecognition of LGBT youth in contemporary Vietnam. *Culture, Health & Sexuality*, 960-973.

Horton, P., & Rydstrom, H. (2019). Reshaping boundaries: Family politics and GLBTQ resistance in urban Vietnam. *Journal of GLBT Family Studies*, *15*(3), 290-305.

iSEE (2011). Thông điệp truyền thông về đồng tính luyến ái trên báo in và báo mạng. Nhà xuất bản Thế giới.

iSEE (2013). Kết quả trưng cầu ý kiến người dân về hôn nhân cùng giới. Nhà xuất bản Thế giới.

iSEE (2016). Is it because I am LGBT: Discrimination based on sexual orientation and gender identity in Vietnam. Hong Duc Publishing House.

Le, B. D., Nguyen, N. H., & Khuat, T. H. (2009). Sexality in Contemporary Vietnam Easy to Joke about But Hard to Talk about. Knowledge Pub, House.

Le, V. N. (2011). *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam.* Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Ludwig, G. (2011). From the 'heterosexual matrix'to a 'heteronormative hegemony': Initiating a dialogue between Judith Butler and Antonio Gramsci about queer theory and politics. *Hegemony and heteronormativity: Revisiting "the political" in Queer Politics*, 43-61.

Lustéguy, P. (1935). La femme annamite du Tonkin dans l'Institution de Biens Cultuels, l'Entente Linotypiste.

Malarney, S. K. (2002). *Culture, ritual and revolution in Vietnam*. University of Hawaii Press.

Newton, N. (2014). Homosexuality and transgenderism in Vietnam. *Routledge handbook of sexuality studies in East Asia*, 255-268.

Nguyen, H. T., Nguyen, N. T., Le, B. Q., Vu, L. K., & Luong, H. T. (2012). *Trẻ em đường phố đồng tính,*

song tính và chuyển giới tại thành phố Hồ Chí Minh. Nhà xuất bản Thế Giới.

Nguyen, N. T., Vu, L. T., & Pham, T. T. (2013). *Sống chung cùng giới: Trải nghiệm thực tế và Mưu cầu hạnh phúc lứa đôi.* Nhà xuất bản Thế giới.

Papin, P. (2003). Viêt-Nam: Parcours d'une nation [Vietnam: the Course of a Nation]. Paris: La Documentation Française, Editions Belin

Pettus, A. (2003). *Between sacrifice and desire: National identity and the governing of femininity in Vietnam*. Routledge.

Phuong, P.Q (2016). Phong trào của người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam: Nhận diện từ cách tiếp cận của ngành Nghiên cứu Văn hóa. Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Phuong, P.Q (2014). Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam: Tổng luận các nghiên cứu. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Schuler, S. R., Anh, H. T., Ha, V. S., Minh, T. H., Mai, B. T. T., & Thien, P. V. (2006). Constructions of gender in Vietnam: In pursuit of the 'Three Criteria'. Culture, health & sexuality, 8(5), 383-394.

Van Bich, P. (2013). *The Vietnamese family in change: The case of the Red River Delta*. Routledge.

Varela, M. D. M. C., Dhawan, N., & Engel, A. (Eds.). (2016). *Hegemony and heteronormativity: Revisiting'the political'in queer politics*. Routledge.

Yen, M. T. (2016). Constructing the Vietnamese Queer Identities.

